

Số: **26** /NQ-HĐND

Cà Mau, ngày **15** tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019);

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số 49/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ Hai đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Cà Mau, như sau:

Tổng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Cà Mau là 15.415.995 triệu đồng (tăng 1.779.829 triệu đồng), bao gồm:

a) Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ là 6.587.044 triệu đồng, trong đó:

- Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 169.164 triệu đồng, không thay đổi nguồn vốn hỗ trợ (Kèm theo Phụ lục I);

- Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ: 22.647 triệu đồng, nguồn vốn bổ sung (Kèm theo Phụ lục II);

- Vốn các Chương trình mục tiêu Quốc gia: 841.692 triệu đồng, tăng 250.533 triệu đồng (Kèm theo Phụ lục III);

- Vốn các Chương trình mục tiêu: 2.277.803 triệu đồng, giảm 537.509 triệu đồng (Kèm theo Phụ lục IV);

- Vốn trái phiếu Chính phủ: 866.300 triệu đồng, giảm 95.700 triệu đồng (Kèm theo Phụ lục V);

- Vốn nước ngoài (ODA): 1.741.287 triệu đồng, tăng 287.594 triệu đồng (Kèm theo Phụ lục VI);

- Vốn dự phòng ngân sách Trung ương: 668.151 triệu đồng, nguồn vốn bổ sung (Kèm theo Phụ lục VII).

b) Vốn cân đối ngân sách địa phương là 8.828.951 triệu đồng, gồm:

- Chi bổ sung Quỹ Phát triển đất: 516.977 triệu đồng, tăng 212.912 triệu đồng (Kèm theo Phụ lục VIII);

- Chi đầu tư từ bội chi ngân sách: 66.000 triệu đồng, tăng 15.000 triệu đồng (Kèm theo Phụ lục IX);

- Vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý: 2.386.402 triệu đồng, giảm 42.456 triệu đồng (Kèm theo Phụ lục X);

- Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết (không bao gồm vốn đã hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố): 3.566.527 triệu đồng, giảm 810 triệu đồng, chưa bao gồm nguồn tăng thu xổ số kiến thiết đã giao hằng năm (Kèm theo Phụ lục XI);

- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ và cân đối ngân sách huyện, thành phố: 1.404.225 triệu đồng, tăng 110.647 triệu đồng (Kèm theo Phụ lục XII);

- Vốn từ nguồn tăng thu xổ số kiến thiết và tăng thu sử dụng đất: 888.820 triệu đồng, nguồn vốn bổ sung (Kèm theo Phụ lục XIII).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải



PHỤ LỤC I

ĐIỀU CHỈNH HỖ TRỢ NHÀ Ở CHO NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 22/2013/QĐ-TTg

(Kèm theo Nghị quyết số: 26 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020 (đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017)			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020 (đã bố trí kế hoạch vốn hằng năm)				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW				
												Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XD/CB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XD/CB
	TỔNG SỐ									169.164			169.164				
1	HỖ TRỢ NHÀ Ở CHO NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 22/2013/QĐ-TTg									169.164			169.164				



PHỤ LỤC II

**BỔ SUNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2017-2020
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTG NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Nghị quyết số: 26 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020 (đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017)			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020 (đã bố trí kế hoạch vốn hằng năm)			Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số		Trong đó:	
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB
	TỔNG SỐ												22.647					
1	HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2017-2020 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ- TTG NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ												22.647			Bổ sung danh mục từ Kế hoạch vốn NSTW hỗ trợ năm 2020		



PHỤ LỤC III

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Nghị quyết số: 26 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch			Lũy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn CTMTQG giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017			Điều chỉnh Kế hoạch vốn CTMTQG giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)			Ghi chú	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số	Trong đó: NSTW	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
												Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB
	TỔNG SỐ						591.159			591.159			841.692	3.000			
I	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA						591.159			591.159			841.692	3.000			
	Phân bổ chi tiết (90%)						532.043			532.043			841.692	3.000			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới						393.318			393.318			606.620				
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững						138.725			138.725			235.072	3.000			
	Dự phòng (10%)						59.116			59.116							
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới						43.702			43.702							
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững						15.414			15.414							

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Kèm theo Nghị quyết số: 26 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch	Lấy kế số vốn đã bố trí từ khối công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020 (đã bố trí kế hoạch vốn hằng năm)			Chủ đầu tư		
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB	Tổng số
TỔNG SỐ						10.713.445	4.823.205	2.245.966	1.054.659	2.815.312	315.608	1.496	2.277.803	210.671	1.496	
						10.713.445	4.823.205	2.245.966	1.054.659	2.815.312	315.608	1.496	2.277.803	210.671	1.496	
A	CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU					10.586.211	4.695.971	2.245.966	1.054.659	2.461.781	235.608	1.496	2.277.803	210.671	1.496	
	Phân bổ chi tiết (90%)															
I	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng															
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2011 - 2015															
1	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải thành phố Cà Mau	TP.CM	200 tấn rác/ngày	2009-2011	94/2010/QĐ-CL ngày 08/12/2010		308.000	123.200	258.000	73.200	50.000	50.000		50.000	50.000	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
2	Thanh toán khối lượng hoàn thành công trình trọng điểm của tỉnh	Các huyện	Cấp IV	2010-2012	Nhiều quyết định		40.000	40.000	30.470	30.470	30.470	30.470		30.470	30.470	như trên
3	Tuyến đường kênh 18 - U Minh Hạ	H. U Minh	Cấp V ĐB	2007-2008	775/QĐ-SNN ngày 01/8/2007		22.169	22.169	15.500	15.500	6.696	6.696		5.055	5.055	như trên
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020						2.399.062	993.740	175.900	175.900	490.496			462.979		
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường phía bờ nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa-Rạch Ráng-Sông Đốc)	CN-TVT	Cấp IV đồng bằng	2013-2020	1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 1271/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 72/QĐ-UBND ngày 13/01/2019		1.521.792	570.000	121.898	121.898	321.096			321.096		Sở Giao thông vận tải
2	Dự án đầu tư xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn để biển Tây, phục vụ an ninh, quốc phòng khu vực Hòn Đa Bạc kết hợp phòng chống cháy rừng VQG U Minh hạ, tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thù - Vàm Đá Bạc)	TVT-UM	Cấp IV đồng bằng	2013-2016	1569/QĐ-UBND 31/10/2012; 1656/QĐ-UBND 31/10/2012; 1683/QĐ-UBND ngày 02/10/2019		657.270	264.340	54.002	54.002	10.000			10.000		Sở Giao thông vận tải
3	Dự án đầu tư xây dựng Kê cấp bách tại xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	Đầm Dơi	2.773 m	2016 - 2020	545/QĐ-UBND, 30/3/2016; 1765/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1268/QĐ-UBND ngày 31/7/2019		220.000	159.400			159.400			131.883		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
(3)	Các dự án còn công môn trong giai đoạn 2016 - 2020						183.005	88.748	7.430		88.748	10.000		63.748	10.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch	Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020 (đã bố trí kế hoạch vốn hằng năm)			Chủ đầu tư				
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
													Thanh toán nợ XDCB			Thanh toán nợ XDCB	Thanh toán nợ XDCB	Thanh toán nợ XDCB
1	Dự án đầu tư xây dựng Bờ kè chống sạt lở khu dân cư thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn (giai đoạn 1)	H. Năm Căn	1.256 m	2014 - 2018	1384/QĐ-UBND 06/9/2014; 1764/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	89.740	35.000			35.000	10.000		10.000	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT				
2	Dự án đầu tư xây dựng Kho Lưu trữ chuyên dụng tỉnh Cà Mau	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2016-2021	1654/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1821/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1066/QĐ-UBND ngày 05/7/2018; 7214/UBND-XD ngày 15/12/2020	93.265	53.748	7.430		53.748			53.748	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng				
II	Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương					2.429.539	354.408	875.400	76.236	212.424	74.000		130.509	74.000				
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020					2.429.539	354.408	875.400	76.236	212.424	74.000		130.509	74.000				
1	Dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL - Tiểu dự án thành phố Cà Mau	TP.Cà Mau	4 hợp phần	2012-2017	160/QĐ-UBND ngày 07/02/2012	1.204.455	175.209	508.311	63.000	112.209	74.000		112.209	74.000	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau			
2	Hệ thống thủy lợi tiểu vùng X - Nam Cà Mau thuộc Dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn ĐBSCL	H. CN, PT	8.800 ha	2012-2016	1498/QĐ-UBND ngày 31/8/2016; 1945/QĐ-UBND ngày 04/11/2019	657.111	86.441	343.277		18.000			18.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
3	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau	TP.Cà Mau	8.000 m³/ngày đêm	2009-2023	1171/QĐ-UBND, 10/7/2009; 1258/QĐ-UBND, 27/8/2015; 1818/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	567.973	92.758	23.812	13.236	82.215			300		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng			
III	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững					470.044	383.673	205.198	205.198	130.000			116.248					
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020					470.044	383.673	205.198	205.198	130.000			116.248					
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi tiểu vùng XVIII - Nam Cà Mau	Đầm Dơi	377 ha	2012 - 2015	322/QĐ-CTUB 20/5/2004	251.532	195.558	190.598	190.598	4.960			4.960		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và bến cá Khánh Hội, huyện U Minh	U Minh	700 chiếc/150 CV	2016 - 2021	1627/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 1614/QĐ-UBND ngày 20/9/2019; 745/QĐ-UBND ngày 07/5/2020	134.164	113.115	14.600	14.600	85.040			71.288		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
3	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi tiểu vùng VII - Nam Cà Mau	TP.CM	Ngân mặn	2016 - 2020	1695/QĐ-UBND 30/10/2015; 549/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	84.348	75.000			40.000			40.000		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT			
IV	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững					575.625	361.162	109.292	82.179	135.000	22.869		134.109	21.120				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020					279.292	227.427	109.292	82.179	40.000	22.869		38.109	21.120				
1	Vườn Quốc gia U Minh Hạ	U Minh	8.527 ha	2010-2015	936/QĐ-UBND 12/6/2008	144.560	130.104	70.876	45.876	5.000	2.869		3.120	1.120	Vườn Quốc gia U Minh hạ			
2	Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	Ngọc Hiển	41.862 ha	2012-2016	1675/QĐ-UBND 21/11/2012	52.014	52.014	16.303	16.303	15.000			14.989		Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch	Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015			Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020 (đã bỏ trị kế hoạch vốn hằng năm)			Chủ đầu tư	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW			Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
													Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW
3	Dự án nâng cao năng lực giai đoạn 2 (phòng chống cháy rừng)	U Minh	Công trình NN và PTNT cấp IV	2014 - 2016	1593/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1723/QĐ-UBND ngày 04/11/2015	82.718	45.309	22.113	20.000	20.000	20.000		20.000	20.000		Chi cục Kiểm lâm
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020					296.333	133.735			95.000			96.000			
1	Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ giai đoạn 2015 - 2020	Các huyện	27.400 ha	2015-2020	120/QĐ-TTg ngày 03/02/2015 của TTCP	65.710	36.735			10.000						Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Dự án đầu tư nâng cao năng lực PCCCR tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016 - 2020	UM, TVT	Các hạng mục	2016-2021	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2095/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	73.733	26.000			25.000			25.000			Chi cục Kiểm lâm
3	Dự án đầu tư xây dựng khu Trại sở hành chính Vườn Quốc gia U Minh hạ, tỉnh Cà Mau	U Minh	Công trình dân dụng cấp III, IV	2016-2020	531/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 773/QĐ-UBND ngày 27/4/2017; 1680/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	71.989	61.000			50.000			61.000			Vườn Quốc gia U Minh hạ
4	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Ngọc Hiển	Công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật	2016-2022	1803/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1689/QĐ-UBND ngày 03/10/2019; 2874/UBND-XD ngày 11/5/2020	84.901	10.000			10.000			10.000			Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau
V	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư					2.322.977	844.790	465.089	314.289	311.674	24.060	1.496	291.197	3.583	1.496	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2011 - 2015					192.755	192.755	85.263	85.263	19.254	19.254		2.346	2.346		
1	Dự án đầu tư khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	Năm Căn	16 ha	2007-2010	469/QĐ-UBND ngày 24/8/2006; 1682/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	11.442	11.442	6.197	6.197	8.739	8.739		1.472	1.472		Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
2	Dự án khu dân cư Chà Lã, xã Đông Thới, huyện Cái Nước	Cái Nước	7 ha	2007-2010	466/QĐ-UBND ngày 24/8/2006	9.326	9.326	8.848	8.848	2.391	2.391		121	121		như trên
3	Dự án đầu tư khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện U Minh	U Minh	30 ha	2009-2012	1043/QĐ-UBND ngày 23/6/2009	63.083	63.083	32.570	32.570	1.300	1.300		260	260		như trên
4	Dự án đầu tư khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Trần Văn Thới	Trần Văn Thới	49,4 ha	2010-2024	1340/QĐ-UBND ngày 06/8/2009; 1540/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	103.751	103.751	34.580	34.580	6.255	6.255		379	379		như trên
5	Dự án sắp xếp dân cư xen ghép xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	Đầm Dơi	0,78 ha	2009-2012	287/QĐ-UBND ngày 02/6/2009; 479/QĐ-SKHĐT ngày 13/12/2010	5.153	5.153	3.068	3.068	569	569		114	114		như trên
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020					1.766.804	590.111	379.826	229.026	265.000	4.806	1.496	261.707	1.237	1.496	
1	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Phú Tân (Điểm vàm kênh Cái Cầm)	Phú Tân	49,74 ha	2010-2017	1341/QĐ-UBND 06/8/2009	69.701	67.111	18.029	18.029	18.000	4.806	1.496	14.707	1.237	1.496	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
2	Dự án đầu tư nâng cấp đê biển Tây tỉnh Cà Mau	UM-TV-PT	- 72.540 m đê - 16.271m kè	2011-2021	979/QĐ-UBND ngày 02/6/2017; 1681/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	1.697.103	523.000	361.797	210.997	247.000			247.000			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch	Lấy kế số vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020 (đã bố trí kế hoạch vốn hàng năm)			Chủ đầu tư	
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW		Trong đó: NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:		
															Tổng số
(3)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020					363.418	61.924			27.420			27.144		
1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống Trại giống Khánh Lâm 2, huyện U Minh	U Minh	563 ha	2016-2020	540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 1682/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	63.060	49.230			15.000			15.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210					300.358	12.694			12.420			12.144		
VI	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển					826.446	787.750	122.057	111.657	508.513	17.513		523.943	16.443	
(1)	Dự án hoàn thành giai đoạn 2011 - 2015					70.000	70.000	41.657	41.657	17.513	17.513		16.443	16.443	
1	Hạ tầng Khu công nghiệp	U Minh	360 ha	2006-2012	71/2004/QĐ-UB ngày 26/7/2004	70.000	70.000	41.657	41.657	17.513	17.513		16.443	16.443	Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW
(2)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020					551.956	513.260	80.400	70.000	416.760			377.260		
1	Tuyến đường trục chính Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau (giai đoạn 1)	Năm Căn	4,5 km	2014-2017	1505/QĐ-UBND ngày 7/10/2014	386.956	348.260	80.400	70.000	268.260			212.260		Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cà Mau
2	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông trục chính Bắc Nam Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Năm Căn	4,2 km	2016 - 2018	1667/QĐ-UBND 30/10/2015	165.000	165.000			148.500			165.000		Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cà Mau
(3)	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020					204.490	204.490			74.240			130.240		
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Năm Căn	25 ha	2018-2021	1763/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1269/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 1054/QĐ-UBND ngày 12/6/2020; 2547/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	204.490	204.490			74.240			130.240		Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Cà Mau
VII	Chương trình mục tiêu đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương					251.531	80.800	27.600	16.000	64.800			64.800		
(1)	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020					56.770	23.854	27.600	16.000	7.854			7.854		
1	Trung tâm Y tế huyện Phú Tân	Phú Tân	Cấp IV	2011-2014	1627/QĐ-UBND 31/10/2013	30.477	12.750	21.100	12.500	250			250		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Trung tâm Y tế huyện Thới Bình	Thới Bình	Cấp IV	2015-2016	1599/QĐ-UBND 23/10/14; 1652/QĐ-UBND 31/10/14	26.293	11.104	6.500	3.500	7.604			7.604		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020					194.761	56.946			56.946			56.946		
1	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Cà Mau	TP. Cà Mau	200 giường	2016-2022	1812/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1714/QĐ-UBND ngày 07/10/2019; 2137/QĐ-UBND ngày 04/12/2019	194.761	56.946			56.946			56.946		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
VIII	Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch					249.164	137.800			125.960			125.960		
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020					249.164	137.800			125.960			125.960		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch	Lũy kế số vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020 (đã bỏ trị kế hoạch vốn hằng năm)			Chủ đầu tư			
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW		Trong đó: NSTW					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số	Trong đó:		Tổng số		Trong đó:		
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Điểm du lịch Đất Mũi thuộc Khu du lịch quốc gia Năm Căn	Ngọc Hiển	417 m; 19 cầu	2016-2021	542/QĐ-UBND,30/3/2016; 1270/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 1668/QĐ-UBND ngày 03/9/2020	133.639	60.000			60.000			60.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ đường Hành lang ven biển phía Nam đến điểm du lịch sinh thái Sông Trẹm	U Minh, Thới Bình	4.860 m; 04 cầu	2015-2020	1679/QĐ-UBND 30/10/2015; 699/QĐ-UBND ngày 22/4/2016	115.525	77.800			65.960			65.960			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
IX Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội							12.460	10.000			10.000			10.000			
(1) Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020							12.460	10.000			10.000			10.000			
1	Dự án nâng cấp, mở rộng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau	H. U Minh	Công trình dân dụng	2017-2019	343/QĐ-UBND, 01/3/2017; 395/QĐ-SXD ngày 02/10/2017, 219/QĐ-SXD ngày 12/8/2019	12.460	10.000			10.000			10.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
X Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa							46.845	27.000			27.000						
(1) Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020							46.845	27.000			27.000						
1	Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử các địa điểm thuộc Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương Cục miền Nam (giai đoạn cuối năm 1949 đầu năm 1955) tỉnh Cà Mau giai đoạn 1	Trên địa bàn tỉnh	10,7 ha	2017-2020	05a/QĐ-HĐND ngày 31/3/2017	46.845	27.000			27.000						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
XI Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin							24.813	16.200			16.200			16.200			
(1) Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020							24.813	16.200			16.200			16.200			
1	Dự án xây dựng, triển khai các dự án thành phần phục vụ hoạt động của chính quyền điện tử tỉnh Cà Mau	Tỉnh Cà Mau		2017-2019	1790/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	24.813	16.200			16.200			16.200			Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	
XII Chương trình mục tiêu Biển Đông - Hải Đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo							486.700	486.700			253.800			252.585			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Dự phòng (10%)											273.531						
XIII Danh mục dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW 2016 - 2020 thu hồi các khoản ứng trước thực hiện các dự án cấp bách chống hạn hán, xâm nhập mặn							127.234	127.234			80.000	80.000				Giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Cà Mau lập thủ tục hoàn trả tạm ứng NSTW	
a Dự án chuyển tiếp							70.184	70.184			23.000	23.000					
1	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng 05 mạng nước tập trung nông thôn	Các huyện: TVT, UM, NC	138m³/h	2016	255,256/QĐ-SXD 14/9/2016; 261/QĐ-SXD 23/9/2016; 264, 265/QĐ-SXD 28/9/2016	22.020	22.020			5.000	5.000					như trên	
2	Dự án đầu tư xây dựng hồ chứa nước ngọt trên đảo Hòn Khoai, tỉnh Cà Mau	Huyện Ngọc Hiển	Hồ chứa nước	2016	1370/QĐ-UBND 19/9/1013	33.441	33.441			12.000	12.000					như trên	
3	Cổng Kênh Xáng Mới	Huyện U Minh	Ngăn mặn	2016	446/QĐ-UBND ngày 18/8/2015	14.723	14.723			6.000	6.000					như trên	

[illegible]



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC V
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2017 - 2020
(Kèm theo Nghị quyết số: 26 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2017 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Điều chỉnh Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2017 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)	Chủ đầu tư
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
	TỔNG SỐ						1.558.090	962.000	866.300	
A	PHÂN BỐ CHI TIẾT (90%)						1.558.090	865.800	866.300	
I	NGÀNH GIAO THÔNG						1.497.576	810.000	810.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục Đông Tây tỉnh Cà Mau (đoạn từ QL1 đến của biên Gành Hào và cầu qua sông Cái Nai (khu kinh tế Năm Căn)	Các huyện: ĐD, CN, NC	43,952 km, 01 cầu	2017-2022	49/HĐND-TT ngày 20/02/2017	1473/QĐ-UBND ngày 28/8/2017; 182/QĐ-UBND ngày 02/02/2018; 562/QĐ-UBND ngày 07/4/2020; 2551/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.497.576	810.000	810.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
II	KIẾN CỐ HÓA TRƯỜNG LỚP HỌC MẪU GIÁO, TIỂU HỌC						60.514	55.800	56.300	
1	Dự án kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Đầm Dơi	H. Đầm Dơi	16 phòng	2017-2019	599/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	365, 366/QĐ-SXD ngày 06/9/2017	11.964	12.030	11.800	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
2	Dự án kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Ngọc Hiển	H. Ngọc Hiển	16 phòng	2017-2019	599/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	319/QĐ-SXD ngày 29/9/2017; 393/QĐ-SXD ngày 29/9/2017	12.827	12.032	12.000	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
3	Dự án kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Phú Tân	H. Phú Tân	08 phòng	2017-2019	599/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	303/QĐ-SXD ngày 25/7/2017	6.498	5.496	6.400	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
4	Dự án kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Năm Căn	H. Năm Căn	09 phòng	2017-2019	599/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	376/QĐ-SXD ngày 14/9/2017; 386/QĐ-SXD ngày 28/9/2017	6.197	5.550	5.500	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
5	Dự án kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện U Minh	H. U Minh	14 phòng	2017-2019	599/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	333, 334/QĐ-SXD ngày 15/8/2017; 384/QĐ-SXD ngày 27/9/2017	9.505	8.662	8.600	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
6	Dự án kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học huyện Trần Văn Thời	H. Trần Văn Thời	16 phòng	2017-2019	599/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	324, 325/QĐ-SXD ngày 14/8/2017	13.523	12.030	12.000	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
B	DỰ PHÒNG (10%)							96.200		

PHỤ LỤC VI
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA) GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Nghị quyết số: 16 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng.

	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch các năm										Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2016						Kế hoạch vốn nước ngoài (ODA) giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017				Điều chỉnh Kế hoạch vốn nước ngoài (ODA) giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)				Chủ đầu tư																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
						Số quyết định	TMDT								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiến Việt)	Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiến Việt)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
								Tổng số	Trong đó:			Tỉnh bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW		Tổng số	NSTW	TPCP	Các nguồn khác			Tổng số	NSTW	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
									NSTW	Các nguồn khác	Tổng số																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			



		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch các năm					Lấy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2016					Kế hoạch vốn nước ngoài (ODA) giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017					Điều chỉnh Kế hoạch vốn nước ngoài (ODA) giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hàng năm)					Chủ đầu tư						
							Số quyết định	TMBT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số	Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiến Việt)	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiến Việt)	Tổng số			Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiến Việt)			
									Tổng số	Trong đó:		Tỉnh bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó					Các nguồn khác						Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước		Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	
										Tổng số	NSTW		Các nguồn khác				Tổng số	Trong đó: cấp phát từ NSTW															NSTW
1	Dự án Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc	TP. Cà Mau	Nhà hiệu bộ; Khố xưởng thực hành (2 tầng); trung thiết bị	2009-2012	Chính phủ Hàn Quốc (EDCF)	28/3/2008	461/QĐ-UBND ngày 10/6/2005; 647/QĐ-UBND ngày 19/9/2007; 1023/QĐ-UBND ngày 07/7/2008	154.004	38.364	38.364		115.640	115.640	79.807	37.000		37.000	42.807	28.600		28.600	29.397		28.060	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội								
2	Đầu tư cơ sở vật chất Trường THPT chuyên Phan Ngọc Hiển đạt chuẩn Quốc gia (giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước)	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018-2020	ADB	03/02/2017	1534/QĐ-TTg ngày 03/8/2016; 2681/QĐ-BGDDĐT ngày 04/8/2016; 2063/QĐ-UBND ngày 19/12/2018	16.031	5.031	5.031		11.000	11.000							16.000			11.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng									
VI	Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh (giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước)							2.273.846	1.078.021	1.047.103	30.918		1.182.614	1.182.614	401.380	210.997	210.997		190.383	572.254		572.254	1.285.814	247.000		973.814							
1	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đê biển Tây tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh, Trần Văn Thới, Phú Tân	72.540 m đê; 16.271 m kè.	2013-2021			979/QĐ-UBND ngày 02/6/2017; 1681/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	1.697.103	1.047.103	1.047.103		650.000	650.000	361.797	210.997	210.997		150.800	499.200		499.200	811.200	247.000		499.200	Sở Nông nghiệp và PTNT							
2	Gây tạo bãi bồi, trồng cây ngập mặn bảo vệ bờ biển khu vực Đất Mũi	Huyện Ngọc Hiển	89 ha	2015-2020			1252/QĐ-UBND ngày 22/8/2015; 1425/QĐ-UBND ngày 28/9/2015	36.000				31.676	31.676	15.785				15.785	15.676		15.676			15.676	Sở Nông nghiệp và PTNT								
3	Dự án bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020	Tỉnh Cà Mau	6.540 m	2015-2020			1253/QĐ-UBND ngày 26/5/2016; 826/QĐ-UBND ngày 13/5/2016	90.265				81.378	81.378	15.890				15.890	51.378		51.378	51.378			51.378	Sở Nông nghiệp và PTNT							
4	Chống xói lở, gây bồi, trồng cây ngập mặn bảo vệ đê biển huyện Trần Văn Thới	Huyện TVT	23,3 ha	2015-2017			1251/QĐ-UBND ngày 26/8/2015	18.000				18.000	18.000	7.908				7.908	6.000		6.000	6.000			6.000	Sở Nông nghiệp và PTNT							
5	Dự án xây dựng kè tạo bãi trồng rừng ngập mặn ven biển Tây	Cà Mau	9.700m kè; trồng rừng 75,4ha	2018-2020			1741/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	252.899	12.012	12.012		240.887	240.887									240.887			240.887	Sở Nông nghiệp và PTNT							
6	Dự án trồng rừng phòng hộ ven sông, gây bồi tạo bãi trồng rừng cửa sông, ven biển	Các huyện Phú Tân, Năm Căn và Ngọc Hiển	316,5ha; 16.500m trồng mêm; 1.950m kè bê tông	2018-2024			1740/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1258/QĐ-UBND ngày 30/7/2019; 2045/QĐ-UBND ngày 18/11/2019	179.579	18.906	18.906		160.673	160.673									160.673			160.673	Sở Nông nghiệp và PTNT							
B DỰ PHÒNG (10%)																			99.851														

PHỤ LỤC VII

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Nghị quyết số: 26 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn dự phòng ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn dự phòng NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG				7.694.203	683.627	668.151	
A	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2016				1.902.730	95.000	95.000	
I	Quyết định số 1146/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ				1.830.742	85.000	85.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Điểm du lịch Đất Mũi thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Cà Mau	H. Ngọc Hiển	2016 - 2021	542/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1270/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 1668/QĐ-UBND ngày 03/9/2020	133.639	50.000	50.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
2	Dự án đầu tư nâng cấp đê biển Tây tỉnh Cà Mau	H. UM-TVT-PT	2013 - 2021	979/QĐ-UBND ngày 02/6/2017; 1681/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	1.697.103	35.000	35.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II	Công văn số 1387/QĐ-BKHĐT ngày 24/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư				71.988	10.000	10.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu trụ sở hành chính Vườn Quốc gia U Minh Hạ	H. U Minh	2016 - 2020	531/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 773/QĐ-UBND ngày 27/4/2017; 1680/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	71.988	10.000	10.000	Vườn Quốc gia U Minh Hạ
B	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2018				381.765	233.084	227.451	
I	Quyết định số 795/QĐ-TTg ngày 29/6//2018 của Thủ tướng Chính phủ				209.372	90.685	90.685	
1	Kê cấp bách bảo vệ đê biển Tây kết hợp xây dựng khu tái định cư (đoạn từ cống Sào Lưới đến Bắc cống Đá Bạc và đoạn từ nam Đá Bạc hướng về Kênh Mới)	H. TVT	2018 - 2019	1049/QĐ-UBND ngày 25/6/2019	74.988	16.685	16.685	Ban Quản lý các dự án ODA&NGO
2	Kê cấp bách bảo vệ bờ biển Đông khu vực cửa biển Rạch Gốc, cửa biển Vàm Xoáy	H. Ngọc Hiển	2018 - 2019	1117/QĐ-UBND ngày 08/7/2019	134.384	74.000	74.000	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II	Quyết định số 1551/QĐ-TTg ngày 13/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ				65.022	65.022	62.000	
1	Dự án Đầu tư xây dựng công trình cầu kênh 3 Thước bắc qua sông Biện Nhị, xã Khánh Hội, huyện U Minh	Huyện U Minh	2019 - 2020	1834/QĐ- UBND ngày 18/10/2019	21.207	21.207	20.012	Ủy ban nhân dân huyện U Minh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn dự phòng ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn dự phòng NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
D	KẾ HOẠCH VỐN DỰ ÁN SỬ DỤNG DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ KHOẢN 10.000 TỶ ĐỒNG TỪ NGUỒN ĐIỀU CHỈNH GIẢM VỐN CHO CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA				4.026.276	158.700	158.700	
	Các dự án sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020				3.657.903	103.700	103.700	
I								
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường phía bờ nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa-Rạch Ráng-Sông Đốc)	H. CN-TVT	2013 - 2020	1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014, 1271/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 72/QĐ-UBND ngày 13/01/2019	1.521.792	72.000	72.000	Sở Giao thông vận tải
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính Đông - Tây tỉnh Cà Mau (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cửa biển Gành Hào) và cầu qua sông Cái Nai (Khu kinh tế Năm Căn)	Các huyện: Đầm Dơi, Cái Nước, Năm Căn	2017 - 2022	1473/QĐ-UBND ngày 28/8/2017; 182/QĐ-UBND ngày 02/02/2018; 562/QĐ-UBND ngày 07/4/2020; 2551/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	1.497.499	30.000	30.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
3	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Ông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (vốn chuẩn bị đầu tư)	H. Trần Văn Thời	2020 - 2023	2092/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	638.612	1.700	1.700	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
II	Các dự án sử dụng từ khoản 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn cho các dự án quan trọng quốc gia				368.373	55.000	55.000	
1	Kè chống xói lở cửa biển Hóc Năng, huyện Ngọc Hiển	H. Ngọc Hiển	2020 - 2022	1095/QĐ-UBND ngày 17/6/2020	303.452	40.000	40.000	Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Dự án đầu tư xây dựng Bờ kè chống sạt lở tại cửa biển Hương Mai (đoạn từ cống Hương Mai đến đê biển Tây), xã Khánh Tiến, huyện U Minh	Huyện U Minh	2019 - 2021	1226/QĐ-UBND ngày 25/7/2019; 1061/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	64.921	15.000	15.000	Ban QLDA công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
E	KẾ HOẠCH VỐN BỔ SUNG TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% CỦA TỈNH CÀ MAU				295.109	20.000	20.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng kè chống xói lở biển đoạn từ Kênh Năm đến Kênh Chùm Gọng, huyện Ngọc Hiển	H. Ngọc Hiển	2020 - 2022	1089/QĐ-UBND ngày 17/6/2020	295.109	20.000	20.000	Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC VIII
ĐIỀU CHỈNH CHI BỔ SUNG QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Nghị quyết số: 26 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục	Kế hoạch vốn giai đoạn 2016 - 2020 (đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017)	Điều chỉnh Kế hoạch vốn giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao Kế hoạch vốn hằng năm)	Ghi chú
	TỔNG SỐ	304.065	516.977	
1	Chi bổ sung Quỹ Phát triển đất từ nguồn thu sử dụng đất (*)	304.065	516.977	

(*) Đã trích 10% nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu... theo quy định



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC IX

ĐIỀU CHỈNH CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Nghị quyết số: 26 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng.

TT	Kế hoạch vốn giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Điều chỉnh Kế hoạch vốn giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao vốn hằng năm)	Ghi chú
1	51.000	66.000	Phân bổ cho từng cho từng công trình, dự án sau khi đã thực hiện được khoản vay từ nguồn vốn vay trong nước. Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn dự phòng ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn dự phòng NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Xây dựng cầu kênh Cây Bàng bắc qua sông Biện Nhị, xã Khánh Lâm, huyện U Minh	Huyện U Minh	2019 - 2020	432/QĐ-SGTVT ngày 14/5/2019	10.980	10.980	10.980	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
3	Cầu bắc qua sông Cái Tàu, xã Khánh Thuận, huyện U Minh	Huyện U Minh	2019 - 2020	1028/QĐ- SGTVT ngày 01/11/2019	13.023	13.023	12.643	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
4	Cầu bắc qua kênh xáng Minh Hà, xã Khánh An, huyện U Minh	Huyện U Minh	2019 - 2020	443/QĐ- SGTVT ngày 21/5/2019	6.520	6.520	5.980	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
5	Cầu ngon Tiểu Dừa, xã Khánh Tiến, huyện U Minh	Huyện U Minh	2019 - 2020	440/QĐ- SGTVT ngày 20/5/2019	13.292	13.292	12.385	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
III	Quyết định số 1873/QĐ-TTg ngày 30/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ				92.393	62.399	59.788	
3	Mở rộng tuyến Đường Cuốc xã Thìn, xã Khánh Hòa- Khánh Thuận, huyện U Minh	Huyện U Minh	2019 - 2020	671/QĐ-SGTVT, ngày 18/7/2019	6.993	6.993	5.900	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
4	Dự án đầu tư xây dựng Bờ kè chống sạt lở tại cửa biển Hương Mai (đoạn từ cống Hương Mai đến đê biển Tây), xã Khánh Tiến, huyện U Minh	Huyện U Minh	2019 - 2021	1226/QĐ-UBND ngày 25/7/2019; 1061/QĐ- UBND ngày 15/6/2020	64.921	34.927	34.927	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
IV	Quyết định số 1872/QĐ-TTg ngày 30/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ				14.978	14.978	14.978	
1	Dự án sắp xếp dân cư khu vực sạt lở biển Đông (Khu dân cư Chợ Thù, xã Tam Giang Tây)	H. Ngọc Hiển		210/QĐ-SXD ngày 05/8/2019	14.978	14.978	14.978	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
C	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2019				1.088.323	176.843	167.000	
I	Quyết định số 1304/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ				218.293	12.000	12.000	
1	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016- 2020	H. UM, TVT	2016 - 2021	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2095/QĐ- UBND ngày 30/10/2020	73.733	5.000	5.000	Chi cục Kiểm lâm
2	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc Gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau	Huyện U Minh	2008 - 2020	936/QĐ-UBND ngày 12/6/2008; 153/QĐ- UBND ngày 27/01/2016	144.560	7.000	7.000	Vườn Quốc gia U Minh Hạ
II	Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ				870.030	164.843	155.000	
1	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ biển Đông đoạn từ Đất Mũi đến cửa biển Vàm Xoáy	H. Ngọc Hiển	2019 - 2022	1059/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	129.578	25.000	25.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Kè chống xói lở cửa biển Hốc Năng, huyện Ngọc Hiển	H. Ngọc Hiển	2020 - 2022	1095/QĐ-UBND ngày 17/6/2020	303.452	25.000	25.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Kè chống xói lở bờ biển đoạn từ Kênh Năm Ô Rô đến Kênh Năm, huyện Ngọc Hiển	H. Ngọc Hiển	2020 - 2022	1060/QĐ-UBND ngày 15/6/2020	129.677	20.000	20.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Xử lý xói lở bảo vệ tuyến biển Tây	Trần Văn Thời; U Minh	2019 - 2020	2889/UBND-XD ngày 11/5/2020	54.843	54.843	50.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Dự án đầu tư khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	H. Năm Căn	2007 - 2010	469/QĐ-UBND ngày 24/8/2006	46.985	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Trần Văn Thời	H. TVT	2010 - 2020	1340/QĐ-UBND ngày 06/8/2009	72.711	15.000	15.000	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện U Minh	H. U Minh	2010 - 2020	1043/QĐ-UBND ngày 23/6/2009	63.083	10.000	5.000	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Phú Tân	H. Phú Tân	2010 - 2020	1341/QĐ-UBND ngày 06/8/2009	69.701	5.000	5.000	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

PHỤ LỤC X

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT DO TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số: 26 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bù từ tài khoản công dân hết năm 2015			Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017				Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)				Chú đầu tư
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD					
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD				Tổng số	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				
															Thu hồi các khoản ứng trước			Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13				18	19=(22+...+26)	20	21	27		
	TỔNG SỐ								11.985.133	4.352.579	2.607.231	945.181	3.926.809	2.428.858	301.073	81.741	4.082.882	2.386.402	413.229	82.699		
I	NÔNG, LÂM, THỦY SẢN								2.785.962	257.984	612.999	45.930	245.729	160.490	47.393	7.828	249.777	162.513	50.713	7.828		
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020								1.929.297	121.966	612.999	45.930	96.428	80.589	12.547	7.828	113.794	83.674	15.867	7.828		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								1.929.297	121.966	612.999	45.930	96.428	80.589	12.547	7.828	113.794	83.674	15.867	7.828		
1	Đổi ứng Dự án nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Cà Mau (CRSD Cà Mau)	7371237	B	Các huyện	04 Hóp phần	2012 - 2019		1700/QĐ-UBND ngày 07/11/2014; 1475/QĐ-UBND ngày 05/08/2020	315.475	16.499	89.471	11.971	4.528	4.528			4.528	4.528			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Đóng mới tàu Kiểm ngư	7124317	C	Tỉnh Cà Mau	01 tàu kiểm ngư	2009 - 2014		1926/QĐ-UBND ngày 20/12/2013	4.471	3.958	2.867	2.867	1.091	1.091			1.091	1.091			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Rạch Gốc, tỉnh Cà Mau	7027469	B	H. Ngọc Hiển	Cấp vùng	2009 - 2014		1378/QĐ-BNN-TCTS ngày 12/6/2012	99.973	77	91.973		77	77			77	77			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Dự án đầu tư nâng cao năng lực bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau giai đoạn II	7422113	B	H. U Minh và Trần Văn Thời	Công trình NN&PTNT cấp IV	2014 - 2016		1593/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1723/QĐ-UBND ngày 04/11/2015	82.718	5.433	22.113	2.113	3.320	3.320			23.320	3.320	3.320		Chi cục Kiểm lâm	
5	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ, tỉnh Cà Mau	7070714	B	H. TVT, UM	8.000 ha	2008 - 2020		936/QĐ-UBND ngày 12/6/2008; 153/QĐ-UBND ngày 27/01/2016	144.560	33.580	70.876	25.000	21.013	16.134	8.000	2.828	40.564	30.444	8.000	2.828	Vườn Quốc gia U Minh hạ	
6	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, tỉnh Cà Mau	7007595	B	H. Ngọc Hiển	41.802 ha	2012 - 2016		1675/QĐ-UBND ngày 21/11/2012	52.013	3.400	13.320		3.400	3.400							Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	
7	Dự án hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	7067082	B	H. Đầm Dơi	4.907 ha	2012 - 2020		1439/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/6/2013; 3202/QĐ-BNN-KH ngày 31/7/2017; 822/QĐ-BNN-TCTS ngày 08/3/2018	202.712	9.319	105.879	3.979	3.039	3.039	339		5.340	5.340	339		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
8	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng II - Bắc Cà Mau	7211283	B	H. U Minh	77 kênh và 36 cống	2010 - 2019		1616/QĐ-UBND ngày 21/10/2010	370.570	25.000	20.372		31.000	25.000		5.000	26.233	26.233		5.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
9	Hệ thống thủy lợi Tiểu vùng II - Nam Cà Mau	7002748	B	H. Cái Nước, TVT	14 cống, 65.584m kênh, 30.725m bờ bao	2008 - 2016		488/QĐ-UBND ngày 23/7/2007	112.000	700							700	700			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
10	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng III - Nam Cà Mau (Chi phí bồi thường, GPMB)	7189095	B	H. TVT	Hệ thống cống, bờ bao, nạo vét kênh	2009 - 2020		2602/QĐ-BNN-TL ngày 16/9/2009; 3444/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/8/2017	200.710	12.500		12.500	12.500	4.208			11.941	11.941	4.208		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
11	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng XVIII - Nam Cà Mau	7006161	B	H. Đầm Dơi	31 kênh và 11 cống	2013 - 2016		469/QĐ-UBND ngày 03/4/2013	331.332	5.200	189.686		10.160	5.200								
12	Ô thủy lợi phục vụ sản xuất chuyên lúa - cà - màu xã An Xuyên, thành phố Cà Mau	7418403	C	TP. Cà Mau	Công trình thủy lợi cấp IV	2016 - 2017		310/QĐ-SKHDT ngày 31/10/2014; 1361/QĐ-SNN ngày 01/7/2016	12.763	6.300	6.442	-	6.300	6.300								
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020								856.665	136.018	-	-	149.301	79.901	34.846	-	135.983	78.839	34.846	-		
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								856.665	136.018	-	-	149.301	79.901	34.846	-	135.983	78.839	34.846	-		
1	Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2016	Nhiều công trình	C	Tỉnh Cà Mau	Trồng rừng	2016		57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012	2.273	2.273			2.273	2.273			2.273	2.273			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Mua sắm trang thiết bị phòng kiểm nghiệm (máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS)	7531671	C	Tỉnh Cà Mau	Thiết bị	2015		846/QĐ-UBND ngày 22/6/2015	3.349	3.220			3.188	3.188	3.188		3.188	3.188	3.188		Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	
3	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống - Trại giống Khảnh Lâm 2 (Ngân sách tỉnh hỗ trợ ứng 07 tỷ đồng; tại Công văn số 6460/UBND-SD ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh)	7578614	B	H. U Minh	403 ha	2016 - 2020	265/HĐND-TT ngày 30/10/2015	540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	63.060	7.000			22.000	7.000			21.000	6.000			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Xây dựng 04 Trạm Kiểm lâm (Biển Trường, Bãi Bò, Rạch Vàm, Vàm Xoáy) thuộc Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	7555302	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp IV	2016 - 2018	656/QĐ-UBND ngày 08/5/2015	287/QĐ-SXD ngày 28/10/2015	5.376	5.000			5.000	5.000			5.000	5.000			Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	
5	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng VII - Nam Cà Mau (Chi phí bồi thường, GPMB)	7005987	B	TP. Cà Mau	Sửa chữa và xây dựng mới 07 cống	2016 - 2020	266/TT-HĐND ngày 30/10/2015	549/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	84.349	1.587			41.527	1.527	1.527		1.587	1.587	1.527		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
6	Nạo vét kênh 21, xây dựng cống đập T19, T21 Vườn Quốc gia U Minh hạ	7606203	C	H. TVT, UM	Nạo vét kênh, xây dựng cống	2017 - 2018	1079/QĐ-UBND ngày 28/6/2016	2181/QĐ-SNN ngày 31/10/2016	3.174	2.000			2.000	2.000			1.989	1.989			Vườn Quốc gia U Minh hạ	
7	Dự án đầu tư nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016 - 2020 (NSTW hỗ trợ 15 tỷ đồng; NSDP hỗ trợ 11 tỷ đồng)	7599744	B	H. UM, TVT	42.133 ha	2016 - 2021	130/HĐND-TT ngày 28/6/2016	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2095/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	75.733	47.733			26.000	11.600			40.400	10.400			Chi cục Kiểm lâm	



TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Đầu điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ thời điểm đầu hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017			Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)					Chủ đầu tư
								Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tức cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tức cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD			Tổng số (tức cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD			
									Tổng số (tức cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
															Thao hỏi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thao hỏi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
8	Các công trình cấp nước tập trung nông thôn	7590476	C	Các huyện	Công trình cấp nước nông thôn	2016 - 2017		Nhiều công trình	57.194	10.393			10.393	10.393			4.995	4.995			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đổi ứng Dự án Thi điểm nâng cao hiệu quả thủy lợi nội đồng tại miền Tây Nam ĐBSCL	7538681	C	H. Cái Nước	313 hộ	2015 - 2017		1398/QĐ-UBND ngày 22/9/2015; 354/QĐ-UBND ngày 01/3/2017	19.345	2.000			2.000	2.000			2.000	2.000			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Trụ sở Hạt Kiểm lâm cụm đảo Hòn Khoai	7620722	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp IV	2017 - 2018	1226/QĐ-UBND ngày 24/8/2015	310/QĐ-SXD ngày 27/10/2016	3.489	3.489			3.489	3.489			2.000	2.000			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Xây dựng môi nhà lâm vực tại Tổ Kiểm lâm cơ động thuộc Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau		C	H. Ngọc Hiển	155,72 m ²	2018	1609/QĐ-UBND ngày 26/9/2017		1.325	1.325			1.300	1.300			1.276	1.276			Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau
12	Hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ)		C	H. U Minh	250 tấn sản phẩm/ngày	2015		293/QĐ-UBND ngày 01/3/2016	30.131	30.131			30.131	30.131	30.131		42.275	30.131	30.131		Hỗ trợ các doanh nghiệp (Hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh)
13	Công trình đầu tư rừng giống, vườn giống, vườn ươm cây rừng nâng mận tỉnh Cà Mau	7626031	C	H. NC, PT, TVT	Các hạng mục lâm sinh và hạ tầng kỹ thuật	2017 - 2019		2431/QĐ-SNN ngày 27/10/2017	7.867	7.867							5.000	5.000			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
14	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau (Chỉ phí bồi thường, GPMB)	7643016	B	H. CN, PT, TVT	Xây dựng 27 công. 6 trạm bơm và 1 tuyến đê	2017 - 2021	1106/QĐ-BNN-KH ngày 31/3/2017	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	12.000							3.000	3.000			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II	GAO THÔNG								3.599.270	1.185.149	1.042.817	261.563	1.613.083	355.091	54.385	50.000	1.146.135	556.053	100.176	51.761	
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020								3.426.802	1.089.261	1.042.817	261.563	1.543.694	285.702	54.385	50.000	1.071.761	481.679	100.176	51.761	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2015								651.095	160.736	604.828	154.016	7.429	7.429	4.385	-	6.720	6.720	3.676	-	
1	Cầu Rạch Nước Nhỏ, huyện Trần Văn Thời	7006700	B	H. Trần Văn Thời	174,6 m	2009 - 2015		966/QĐ-UBND ngày 18/6/2008; 1307/QĐ-UBND ngày 25/8/2011	123.574	114.671	111.330	111.330	3.771	3.771	727		3.341	3.341	297		Sở Giao thông vận tải
2	Đề án xây dựng 1.588 cầu giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau (thanh toán chi phí tư vấn)	7179518	B	Các H, TP	1.588 cầu GTNT	2009 - 2010		1642/QĐ-UBND ngày 22/9/2009	452.770	1.958	450.812		1.958	1.958	1.958		1.958	1.958	1.958		Ủy ban MTTT và Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau
3	Tuyến đường tránh trung tâm thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình	7011320	B	H. Thới Bình		2009 - 2013		1686/QĐ-UBND ngày 31/10/2008; 1955/QĐ-UBND ngày 20/12/2011	74.751	44.107	42.686	42.686	1.700	1.700	1.700		1.421	1.421	1.421		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
b)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016 - 2020								2.775.707	928.525	437.989	107.547	1.536.265	278.273	50.000	50.000	1.065.041	474.959	96.500	51.761	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								2.775.707	928.525	437.989	107.547	1.536.265	278.273	50.000	50.000	1.065.041	474.959	96.500	51.761	
1	Cầu Rạch Sao 2, thị trấn Dầm Dơi, huyện Dầm Dơi	7454590	C	H. Dầm Dơi	68,6 m	2014 - 2016		709/QĐ-UBND ngày 09/5/2014	30.267	22.459	15.200	15.200	7.259	7.259			7.259	7.259			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
2	Cảng Cà Mau (nâng cấp, cải tạo bến xếp dỡ, bến neo tàu Cà Mau)	7377895	B	TP. Cà Mau	Nâng cấp cầu tạo	2012 - 2016		1562/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1933/QĐ-UBND ngày 08/11/2016	221.770	42.696	56.973	40.396	2.300	2.300			2.300	2.300			Sở Giao thông vận tải
3	Hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân	7147972	B	H. Phú Tân	11 tuyến đường	2009 - 2012		1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	89.981	16.664	16.664	73.317	73.317			57.692	57.692			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
4	Tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dưa - Rạch Ràng - Sông Đốc). Phần ngân sách tỉnh bố trí 593 tỷ đồng.	7249003	B	H. Cái Nước, TVT	Cấp IV DB	2013 - 2020		1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	1.521.792	593.000	121.898		1.421.792	160.000	50.000	50.000	764.096	371.000	95.000	50.000	Sở Giao thông Vận tải
5	Tuyến đường cứu hộ, cứu nạn đi biển Tây, phục vụ ANQP khu vực Hòn Đá Bạc kết hợp phòng cháy rừng VQG U Minh hạ, tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thà - Vàm Đá Bạc). Phần NSNN bố trí 377,890 tỷ đồng; trong đó: NSTW 264,340 tỷ đồng. NSDP: 113,550 tỷ đồng.	7249001	B	H. TVT, UM	Cấp IV DB	2013 - 2020		1569/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1656/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	657.270	113.550	54.002			3.800			202.286	5.300	1.500		Sở Giao thông vận tải
6	Tuyến đường nối ô thị trấn Trần Văn Thời (đoạn từ cầu sắt cũ đến BCHQS huyện và đầu nối tuyến Tắc Thà - Rạch Ràng - Sông Đốc)	7347127	C	H. Trần Văn Thời	1.370 m	2013 - 2015		270/QĐ-SKHDĐT ngày 14/10/2013	22.046	15.262	10.850	10.850	4.412	4.412			4.412	4.412			Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
7	Tuyến lộ về Khu cư trú tỉnh ủy thuộc xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	7403540	C	H. Trần Văn Thời	1.508 m	2013 - 2016		1536/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	28.590	1.905	18.225	-	1.905	1.905			1.761	1.761		1.761	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
8	Nâng cấp tuyến đường trực chính trung tâm thị trấn Cái Dơi Vàm, huyện Phú Tân	7483983	C	H. Phú Tân	3.094 m	2015 - 2016		336/QĐ-SXD ngày 05/11/2015 (đ/c)	16.258	16.157	5.500	5.500	10.702	10.702			10.657	10.657			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
9	Dự án đầu tư mở rộng đường Cà Mau - Dầm Dơi (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến cầu Hòa Trung)	7556916	C	TP. Cà Mau	8.168 m	2015 - 2016		1311/QĐ-UBND ngày 08/9/2015	38.941	22.317	18.937	18.937	3.380	3.380			3.380	3.380			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
10	Tuyến đường đèo đên trung tâm xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	7003174	B	H. Ngọc Hiển	Cấp VI DB	2011 - 2015		1391/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 (điều chỉnh)	148.792	11.198	119.740		11.198	11.198			11.198	11.198			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020								172.468	95.888	-	-	69.389	69.389	-	-	74.374	74.374	-	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng giai đoạn 2016 - 2020								172.468	95.888	-	-	69.389	69.389	-	-	74.374	74.374	-	-	
1	Cầu Lương Thế, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước (Tập đoàn thép JFE Nhật Bản tài trợ 4,72 tỷ đồng)	7546268	C	H. Cái Nước	103,6 m	2016 - 2017	713/QĐ-UBND ngày 28/5/2015	504/QĐ-SGTVT ngày 09/10/2015; 377a/QĐ-SGTVT ngày 13/7/2016	14.133	8.646			8.646	8.646			8.646	8.646			Sở Giao thông vận tải
2	Cầu Nhị Nguyệt trên tuyến đường Cà Mau - Dầm Dơi	7556689	C	H. Dầm Dơi	HL-93	2016 - 2018	308/QĐ-UBND ngày 02/3/2016	1472/QĐ-UBND ngày 30/8/2016	22.699	22.699			20.429	20.429			11.219	11.219			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
3	Cầu Văn hóa, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	7556274	C	H. Cái Nước	Chiều dài cầu chính 60,77 m	2016 - 2018	1133/QĐ-UBND ngày 05/8/2015	529/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2015	11.686	11.686			11.686	11.686			6.000	6.000			Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
4	Tuyến đường Châu Văn Dặng (đoạn từ đường Nguyễn Tấn Thành đến bờ bao Nông nghiệp), thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn	7553073	C	H. Năm Căn	Công trình giao thông cấp IV	2016 - 2018	1605/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	304/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	11.748	11.748			11.748	11.748			6.884	6.884			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
5	Tiểu dự án GPMB và rà phá bom mìn, vật nổ phục vụ xây dựng các cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Cà Mau, thuộc Dự án ULRAMP	7737506	C	Các huyện	GPMB, RPBM	2015 - 2021		596/QĐ-BTL ngày 04-4/2017	2.687	2.687			1.880				1.651	1.651			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bù từ từ khoi công đến hết năm 2015				Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017				Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn bằng năm)				Chủ đầu tư
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD			
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD													
																					Trong đó	Trong đó	
																		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó	Thanh toán nợ XDCB		
6	Tuyến đường vào Khu dân cư Huyện ủy huyện Thới Bình (Ngân sách tỉnh hỗ trợ theo Công văn số 2034/UBND-XD ngày 04/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	7653862	C	H. Thới Bình	08 km đường, 05 cầu	2018 - 2020	28/QĐ-HĐND ngày 14/10/2016	4467/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	23.796	15.000					15.000	15.000			13.000	13.000			Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
7	Tuyến đường bỏ Tây Lính Kiềm Lắm, thị trấn Cái Dồi Vàm, huyện Phú Tân	7685902	C	H. Phú Tân	670 m	2019 - 2021		382/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.964	14.964									18.974	18.974			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
8	Cầu qua sông Cái Dồi Vàm, huyện Phú Tân	7603197	C	H. Phú Tân	471,15 m	2017-2020	1977/QĐ-UBND ngày 15/11/2016; 972/QĐ-UBND ngày 01/6/2020	1162/QĐ-UBND ngày 30/6/2017; 1470/QĐ-UBND ngày 04/8/2020	70.755	8.458									8.000	8.000			Ban QLDA xây dựng công trình Giao thông
III HẠ TẦNG ĐÔ THỊ									2.600.896	943.245	368.364	348.115	553.962	496.962	77.623	8.000	1.015.383	342.576	93.277	5.000			
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020								2.435.637	782.350	368.364	348.115	478.443	421.443	75.623	-	905.132	232.325	87.476	-			
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								2.435.637	782.350	368.364	348.115	478.443	421.443	75.623	-	905.132	232.325	87.476	-			
1	Dự án đầu tư xây dựng Bô kê Chợ nổi trên sông, thành phố Cà Mau	7004463	C	TP. Cà Mau	3,175 ha	Đến năm 2014	556/QĐ-CTUB ngày 12/8/2004	1656/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 (độc)	41.198	36.249	32.477	32.477	3.772	3.772			3.772	3.772					Sở Công Thương
2	Đổi ứng Dự án nâng cấp đô thị vùng DBSCL - Tiểu dự án thành phố Cà Mau (gồm cả chỉ GPMB đường Đinh Tiên Hoàng theo Công văn số 8817/UBND-XD ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh)	7199192	B	TP. Cà Mau	Nâng cấp các LIA	2012 - 2017		160/QĐ-UBND ngày 07/02/2012	1.204.455	158.614	128.574	128.574	30.040	30.040	10.040		696.144	30.040	10.040				Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
3	Đổi ứng Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau	7007279	B	TP. Cà Mau	Công suất 8.900 m³/ngày	2009 - 2023		1171/QĐ-UBND, 10/7/2009; 1258/QĐ-UBND, 27/8/2015; 1818/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	567.784	131.769	23.812	3.563	132.612	75.612			11.459	4.756					Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Quảng trường văn hóa trung tâm tỉnh Cà Mau	7004105	B	TP. Cà Mau	Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II	Đến năm 2017		620/QĐ-UBND ngày 26/4/2013; 1674/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	124.200	122.179	74.549	74.549	35.777	35.777	10.777		47.630	47.630	22.630				Sở Giao thông vận tải
5	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Ngô Quyền, thành phố Cà Mau	7404890	B	TP. Cà Mau	2.786 m	2015 - 2018		1981/QĐ-UBND ngày 27/12/2013	231.080	231.080	73.519	73.519	82.020	82.020	37.520		81.475	81.475	37.520				Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
6	Dự án đầu tư nâng cấp đường và hệ thống thoát nước đường Quang Trung (từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Phan Ngọc Hiển), thành phố Cà Mau	7010907	C	TP. Cà Mau	1.097 m	2007 - 2009		848/QĐ-UBND ngày 05/12/2007	17.204	7.560	6.160	6.160	1.400	1.400			1.400	1.400					Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
7	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường An Dương Vương (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường 6A, 6B), thành phố Cà Mau	7432632	C	TP. Cà Mau	272 m	2014 - 2016		1623/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	25.436	19.973	18.073	18.073	1.900	1.900			1.900	1.900					Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
8	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường 3/2 đến đường số 6), thành phố Cà Mau	7541526	C	TP. Cà Mau		2014 - 2016		389/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	10.281	9.627			9.627	9.627			9.627	9.627					Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
9	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Đinh Tiên Hoàng, thành phố Cà Mau		C	TP. Cà Mau		2014 - 2016			3.000	3.000			3.000	3.000			3.000	3.000					Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
10	Cầu qua sông Tắc Thủ thuộc đường Vành đai 1, thành phố Cà Mau	7440195	B	TP. Cà Mau	1.410 m	2017 - 2021		1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	191.301	42.601			172.171	172.171	15.000		42.601	42.601	15.000				Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
11	Cổng qua kênh Thống Nhất, thành phố Cà Mau	7438432	C	TP. Cà Mau	33 m	2013 - 2014		395/QĐ-SKHDT ngày 17/12/2013	5.212	5.212			4.486	4.486	2.286		4.486	4.486	2.286				Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
12	Nâng cấp, mở rộng lộ Bệnh viện đa khoa khu vực Cà Mau, huyện Cái Nước	7383478	C	H. Cái Nước	Chiều dài cầu chính 380 m	2013 - 2015		161/QĐ-SKHDT ngày 29/10/2012	14.486	14.486	11.200	11.200	1.638	1.638			1.638	1.638					Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
1.2 Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020									165.259	160.895	-	-	75.519	75.519	2.000	8.000	110.251	110.251	5.801	5.000			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								165.259	160.895	-	-	75.519	75.519	2.000	8.000	110.251	110.251	5.801	5.000			
1	Nâng cấp, mở rộng đường Dầm Dơi - Cái Nước - Cái Dồi Vàm, ĐT.986 (đoạn từ Quốc lộ 1 đến công Cây Hương), thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	7544671	C	H. Cái Nước	736 m	2016 - 2018	1173/QĐ-UBND ngày 13/8/2015	1665/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	43.644	39.280			39.280	39.280		5.000	35.533	35.533			5.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
2	Bô kê, lát vỉa hè trước Khu Hành chính huyện Dầm Dơi	7556693	C	H. Dầm Dơi	420 m	2016 - 2017		1670/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	6.417	6.417			6.000	6.000			6.000	6.000					Ủy ban nhân dân huyện Dầm Dơi
3	Công trình đầu tư kết cấu hạ tầng đường Nguyễn Mai (đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến đường Lê Anh Xuân), thành phố Cà Mau	7565716	C	TP. Cà Mau	250 m	2017 - 2018	1999/QĐ-UBND ngày 21/12/2015	44/QĐ-SXD ngày 29/3/2016	11.814	11.814			11.000	11.000	2.000	3.000	3.867	3.867	1.869				Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
4	Nạo vét 02 đoạn sông trong nội ô thành phố Cà Mau (đoạn từ Chùa Bà đến Giồng Kê và đoạn từ Ngã 4 sông Giành Hào đến Cầu Nhôm)	7564308	C	TP. Cà Mau	Nạo vét 02 đoạn sông	2017 - 2018	710/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	416A/QĐ-SNN ngày 28/3/2016	8.045	8.045			8.045	8.045			3.497	3.497					Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
5	Nâng cấp tuyến đường Cách mạng tháng 8 (đoạn từ trụ sở khóm 2 đến đường Phan Ngọc Hiển), huyện Phú Tân	7597269	C	H. Phú Tân	258 m	2017 - 2018	1005/QĐ-UBND ngày 16/6/2016	305/QĐ-SXD ngày 26/10/2016	2.877	2.877			2.500	2.500			2.413	2.413					Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
6	Tuyến đường Nam Kỳ Khởi nghĩa, thị trấn Cái Dồi Vàm, huyện Phú Tân	7608568	C	H. Phú Tân	Chiều dài cầu chính 300 m	2017 - 2019	1544/QĐ-UBND ngày 15/10/2015	273/QĐ-SXD ngày 11/10/2016	8.694	8.694			8.694	8.694			4.912	4.912					Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
7	Dự án đầu tư xây dựng đường dân nội Quốc lộ 1A vào dự án khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A (Khu A), xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	7598225	C	TP. Cà Mau	140 m	2016 - 2017		277/QĐ-SXD ngày 14/10/2016	14.862	14.862							5.361	5.361					Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
8	Nâng cấp đường trung tâm hành chính huyện Cái Nước (đoạn từ cầu Tái chính đến cầu Đền thờ Bà Hộ)	7723869	C	H. Cái Nước	507 m	2019 - 2020		383/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	10.886	10.886							10.811	10.811					Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
9	Nâng cấp đường ô tô đến trung tâm thị trấn Rach Gốc (đoạn từ ngã tư Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đến cầu Kênh Hào), huyện Ngọc Hiển	7725816	C	H. Ngọc Hiển	1.307 m	2019 - 2020		388/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.310	8.310							7.676	7.676					Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
10	Dự án đường dân nội Quốc lộ 63 (đường Nguyễn Trãi) vào dự án khu dân cư Đông Bắc Quảng trường văn hóa trung tâm (Khu C)	7524410	C	TP. Cà Mau	99,10 m	2019 - 2021		543/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	40.558	40.558							22.381	22.381	3.932				Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
11	Bô kê từ công Rach Rạng đến Trụ sở Công an huyện Trần Văn Thôn	7635201	C	H. Trần Văn Thôn	620 m	2018 - 2021		221/QĐ-UBND ngày 25/5/2017	9.152	9.152							7.800	7.800					Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thôn
IV HẠ TẦNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐIỆN									498.292	149.512	85.052	15.052	124.953	124.953	17.933	-	318.417	106.157	36.618	-			
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020								400.541	52.281	85.052	15.052	37.229	37.229	5.933	-	231.489	19.229	5.933	-			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								400.541	52.281	85.052	15.052	37.229	37.229	5.933	-	231.489	19.229	5.933	-			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bù từ tài khoản công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017			Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hàng năm)					Chức năng đầu tư
								Số quyết định, nghị, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD				
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
															Thu hồi các khoản ứng trước			Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời (hạng mục và phê hơn min, vật tư công trình)	7130514	C	H. Trần Văn Thời	50 ha	2009 - 2012		3526/QĐ-BQP ngày 30/10/2008	13.585	13.585	4.652	4.652	8.933	8.933	5.933	8.933	8.933	5.933		Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh Cà Mau (nay là Trung tâm Phát triển hạ tầng khu kinh tế thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế)	
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính Khu Kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau (giai đoạn 1)	7457160	B	H. Năm Căn	4,507 km	2014 - 2017		1505/QĐ-UBND ngày 07/10/2014	386.956	38.696	80.400	10.400	28.296	28.296		222.556	10.296			Ban Quản lý Khu kinh tế	
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020								97.751	97.231	-	-	87.724	87.724	12.000	-	86.928	86.928	30.685	-	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								97.751	97.231	-	-	87.724	87.724	12.000	-	86.928	86.928	30.685	-	
1	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông trục chính D6 Khu công nghiệp Khánh An (giai đoạn 1)	7565746	C	H. U Minh	1.694 m	2016 - 2018	24/HĐND-TT ngày 05/02/2016	1392/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	48.764	48.764			43.888	43.888		44.069	44.069	10.000		Ban Quản lý Khu kinh tế	
2	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào Khu công nghiệp Khánh An, huyện U Minh	7565739	C	H. U Minh	4.195 m	2017 - 2019	102/QĐ-UBND ngày 21/01/2016	38/QĐ-SXD ngày 17/3/2016	13.841	13.841			13.800	13.800	4.000	11.341	11.341	5.500		Ban Quản lý Khu kinh tế	
3	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu B - Khu công nghiệp Khánh An (hạng mục hệ thống thoát nước đường N1)	7320310	C	H. U Minh	Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III	2016 - 2017		939/QĐ-UBND ngày 12/7/2012; 119/QĐ-SXD ngày 23/5/2016	26.062	26.062			26.062	26.062	8.000	23.049	23.049	10.690		Ban Quản lý Khu kinh tế	
4	Công trình nâng cấp, xây dựng mới đường dây trung thế 3 pha và trạm phục vụ cầu trục thuộc Công ty TNHH Lâm nghiệp U Minh hạ	7542369	C	H. U Minh	Đường dây trung thế, trạm biến áp	2016	1631/QĐ-UBND ngày 27/10/2015	197/QĐ-SCT ngày 30/10/2015	4.494	3.974			3.974	3.974		3.974	3.974			Sở Công Thương	
5	Dự án đầu tư xây dựng mới đường dây trung thế 3 pha đường N1 (tuyến bên phải) Khu công nghiệp Khánh An	7766120	C	H. U Minh				90/QĐ-SCT ngày 18/6/2019	4.590	4.590						4.495	4.495	4.495		Ban Quản lý Khu kinh tế	
V	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG, THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG								483.153	122.422	151.200	28.000	150.088	90.888	8.487	-	62.592	62.592	13.390	-	
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020								357.960	57.960	151.200	28.000	27.012	27.012	8.487	-	23.834	23.834	8.487	-	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2011 - 2015								328.487	28.487	143.200	20.000	8.487	8.487	8.487	-	8.487	8.487	8.487	-	
1	Nhà máy xử lý rác thải thành phố Cà Mau		B	TP. Cà Mau	200 tấn rác/ngày	2009 - 2011		94/2010/QĐ-CL ngày 08/12/2010	328.487	28.487	143.200	20.000	8.487	8.487	8.487		8.487	8.487	8.487		Hỗ trợ Nhà đầu tư (Hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh)
b)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								29.473	29.473	8.000	8.000	18.525	18.525	-	-	15.347	15.347	-	-	
1	Khu thực nghiệm ứng dụng khoa học, công nghệ cho hệ sinh thái nước ngọt	7472270	C	H. U Minh	16,62 ha	2014 - 2016		1139/QĐ-UBND ngày 23/7/2014	29.473	29.473	8.000	8.000	18.525	18.525		15.347	15.347			Sở Khoa học và Công nghệ	
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020								125.193	64.462	-	-	123.076	63.876	-	-	38.758	38.758	4.903	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								125.193	64.462	-	-	123.076	63.876	-	-	38.758	38.758	4.903	-	
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020	7579881	C	TP. Cà Mau	Mua sắm TTB, đầu tư hạ tầng CNTT	2016 - 2020		1600/QĐ-UBND ngày 23/10/2015	26.521	24.990			24.990	24.990		24.816	24.816	4.903		Văn phòng Tỉnh ủy	
2	Dự án đầu tư xây dựng mới, thay thế thiết bị cho các Đài Truyền thanh cấp xã	7618363	C	TP. Cà Mau	34 xã thuộc 08 huyện	2016 - 2018		1669/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	12.942	12.942			12.900	12.900		8.840	8.840			Sở Thông tin và Truyền thông	
3	Khu chức năng ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ (giai đoạn 3)		C	TP. Cà Mau	Công trình cấp III	2017 - 2019		1646/QĐ-UBND ngày 27/9/2016	8.802	8.802			8.000	8.000							
4	Dự án Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2018-2020	7738768	C	Các đơn vị	Mua sắm trang thiết bị	2018 - 2020		1801/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	6.928	6.928			7.186	7.186		5.102	5.102			Sở Tài nguyên và Môi trường	
5	Dự án xây dựng triển khai các dự án thành phần phục vụ hoạt động của Chính quyền điện tử tỉnh Cà Mau (NSTW hỗ trợ 16,2 tỷ đồng, NS tỉnh 10,8 tỷ đồng, nguồn sự nghiệp 43 tỷ đồng)		B	Tỉnh Cà Mau	Các hạng mục	2017 - 2019		09/QĐ-HĐND ngày 22/5/2017	70.000	10.800			70.000	10.800							
VI	VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH								257.012	86.166	66.323	9.733	77.292	47.867	20.000	-	149.742	73.782	24.000	-	
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020								108.295	42.547	66.323	9.733	32.667	32.667	20.000	-	31.962	31.962	20.000	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								108.295	42.547	66.323	9.733	32.667	32.667	20.000	-	31.962	31.962	20.000	-	
1	Công trình đầu tư xây dựng 02 sân quần vợt tại Khu Liên hợp TDTT Phường 9, TP. Cà Mau	7501900	C	TP. Cà Mau	02 sân quần vợt	2015 - 2016		279/QĐ-SKH&ĐT ngày 29/10/2014	5.791	5.165	3.998	3.998	1.167	1.167		1.167	1.167			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Hệ thống lan can, điện chiếu sáng, lát gạch đường đi, lát sân phần còn lại định kế thuộc Kế khác phục sạt lở Mũi Cà Mau (đoạn 2)	7428111	C	H. Ngọc Hiển	Công trình thủy lợi cấp IV	2015 - 2016		42/QĐ-SNN ngày 27/8/2015	7.386	6.911	5.735	5.735	1.176	1.176		1.176	1.176			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
3	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật du lịch sinh thái Vườn Quốc gia U Minh hạ	7474051	B	H. U Minh và H. TVT	Đến hết năm 2018			1445/QĐ-UBND ngày 08/10/2008; 325/QĐ-UBND ngày 27/02/2017	95.118	30.471	56.590		30.324	30.324	20.000	29.619	29.619	20.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020								148.717	43.619	-	-	44.625	15.200	-	-	117.780	41.820	4.000	-	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								148.717	43.619	-	-	44.625	15.200	-	-	117.780	41.820	4.000	-	
1	Công trình đường giao thông từ khu trung tâm Công viên văn hóa du lịch Mũi Cà Mau đưa nối vào lộ đường giao thông qua các hồ dân làm du lịch công đồng	7553319	C	H. Ngọc Hiển	780 m	2016 - 2017		1362/QĐ-UBND ngày 14/9/2015	7.299	7.299			6.900	6.900		5.500	5.500			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ đường hành lang ven biển phía Nam đến điểm du lịch sinh thái Sông Trèm (NSTW hỗ trợ 65.900 triệu đồng)	7498224	B	H. Thới Bình và H. U Minh	3.982 m đường - 878 m cầu	2016 - 2020		263/HĐND-TT ngày 30/10/2015	115.525	23.320			37.725	8.300		99.280	23.320			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
3	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nhà ở trong Khu dịch vụ Lang nghệ thuộc Công viên văn hóa - du lịch Mũi Cà Mau	7755813	C	H. Ngọc Hiển		2019 - 2021		630/QĐ-UBND ngày 11/4/2019; 986/QĐ-UBND ngày 03/6/2020	25.893	13.000						13.000	13.000	4.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
VII	KHỐI ĐẢNG, NHÀ NƯỚC								1.263.635	1.184.216	127.681	127.681	727.356	723.261	31.942	3.000	853.763	795.656	36.439	5.206	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Dự điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn bổ từ tư khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Đầu chính Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hàng năm)						Chủ đầu tư					
								Số quyết định, nghị, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTT&NTSDD				
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số			Trong đó		Tổng số	Trong đó	
																			Thao hết các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Thao hết các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
18	Cải tạo, mở rộng Trụ sở HĐND - UBND huyện Trần Văn Thới	7610808	C	H. Trần Văn Thới	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	426/QĐ-UBND ngày 16/3/2016	330/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	14.637	14.637			14.637	14.637			5.940	5.940			Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thới		
19	Kho lưu trữ tài liệu của các cơ quan hành chính huyện Đầm Dơi	7555448	C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	1501/QĐ-UBND ngày 09/10/2015	16/QĐ-SXD ngày 28/01/2016	5.180	5.180			5.100	5.100	1000	1600	4.306	4.306	1.000	806	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
20	Kho lưu trữ Huyện ủy và phòng họp Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Tân	7607692	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	1818/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	325/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	4.917	4.917			4.000	4.000			4.780	4.780			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
21	Trụ sở Chi cục Quản lý thị trường Cà Mau và Đội Quản lý thị trường thành phố Cà Mau (trong đó: ngân sách tỉnh 14,183 tỷ đồng; bản đầu tư từ hiện hữu 8,667 tỷ đồng)		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2017 - 2019	1533/QĐ-UBND ngày 14/10/2015	1868/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	19.193	14.183			14.183	14.183	3000		12.590	12.590	3.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
22	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường huyện Thới Bình	7536919	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2017	1369/QĐ-UBND ngày 15/9/2015		2.426	2.426			2.426	2.426							Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
23	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường huyện Cái Nước	7536926	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2017	1372/QĐ-UBND ngày 15/9/2015	337/QĐ-SXD ngày 15/8/2017	2.486	2.486			2.050	2.050							Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
24	Trụ sở làm việc Hội đồng nhân dân huyện Năm Căn	7608083	C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2017 - 2018	1180/QĐ-UBND ngày 11/7/2016	335/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	2.861	2.861			2.850	2.850			2.765	2.765			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn		
25	Trụ sở Thanh tra Nhà nước tỉnh Cà Mau (thanh toán chi phí đầu tư kết cấu hạ tầng lô đất bố trí xây dựng trụ sở)		C														100	100			Thanh tra tỉnh Cà Mau		
26	Trụ sở hành chính phường 5, thành phố Cà Mau	7619906	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2017 - 2019	1514/QĐ-UBND ngày 01/9/2016	143/QĐ-SXD ngày 17/3/2017	14.132	14.132			13.700	13.700	3.000		9.612	9.612	3.000		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau		
27	Công trình đầu tư xây dựng 03 nhà nghỉ nội bộ Tỉnh ủy	7673320	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2020	1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2018	1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2018	39.309	39.309			36.415	36.415			19.154	19.154			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
28	Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	7679836	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2018 - 2020	882/QĐ-UBND ngày 18/5/2017	425/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.897	14.897			14.897	14.897			14.623	14.623			Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
29	Mở rộng trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Cà Mau	7655288	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2019	1787/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	486/QĐ-SXD ngày 30/12/2017; 150/QĐ-SXD ngày 06/6/2019	6.186	6.186			2.500	2.500			5.900	5.900			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
30	Cổng, hàng rào trụ sở Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau	7705952	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2019	597/QĐ-UBND ngày 06/4/2018; 122/QĐ-SXD ngày 15/5/2019 (đ/c)		1.489	1.489			1.400	1.400			1.318	1.318	826		Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh		
31	Trụ sở hành chính xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	7618945	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp III	2018 - 2020	1491/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	350/QĐ-SXD ngày 29/8/2017	14.908	14.908			14.433	14.433			13.846	13.846			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
32	Chi trả phương án bồi thường, hỗ trợ Khu tập thể Đảng ủy Dân chính đảng và Trường Trung cấp Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cũ)		C	TP. Cà Mau	02 Phương án	2017	209/QĐ-UBND ngày 18/01/2017; 2207/QĐ-UBND ngày 09/6/2017; 596/QĐ-UBND ngày 16/02/2017		944	944			944	944							Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau		
33	Hỗ trợ chi phí bồi thường, GPMB và chi phí SLMB thực hiện công trình xây dựng Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau (theo Công văn số 4225/UBND-NNTN ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh)		C	TP. Cà Mau	Bồi thường, GPMB	2018	4696/UBND-ND ngày 03/9/2015		2.684	2.684			2.684	2.684							Hội Nông dân tỉnh Cà Mau		
34	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy U Minh	7607698	C	H. U Minh	Công trình dân dụng cấp III	2019 - 2020	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016		8.617	8.617							7.500	7.500			Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
35	Trụ sở hành chính phường 1, thành phố Cà Mau	7619588	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2019 - 2020	142/QĐ-SXD ngày 17/3/2017		13.557	13.557							11.920	11.920	4.000		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau		
36	Trụ sở hành chính xã Dất Mới, huyện Năm Căn	7684552	C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng cấp III	2019 - 2020	424/QĐ-SXD ngày 31/10/2017		14.920	14.920							12.791	12.791			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn		
37	Trụ sở hành chính xã Đông Thới, huyện Cái Nước	7659860	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng cấp III	2018 - 2020	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017		14.485	14.485							13.576	13.576			Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
38	Hội trường và Khố đoàn thể xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi	7724751	C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng cấp III	2019 - 2020	400/QĐ-SXD ngày 31/10/2018		7.742	7.742							7.672	7.672			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
39	Xây dựng các hạng mục công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hiển	7682985	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp III	2018 - 2020	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017		7.285	7.285							5.740	5.740			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
40	Trụ sở làm việc Đài Truyền thanh huyện Phú Tân	7653356	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp III	2018 - 2019	390/QĐ-SXD ngày 29/9/2017		4.554	4.554							4.000	4.000			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
41	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Phú Tân, huyện Phú Tân	7685901	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp III	2019 - 2021	363/QĐ-SXD ngày 30/10/2018		14.930	14.930							14.340	14.340			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
42	Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau	7618682	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2020	354/QĐ-SXD ngày 29/10/2018; 218/QĐ-SXD ngày 15/7/2020		14.579	14.579							11.951	11.951			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		



TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bổ trợ từ kết công đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)				Chức danh tư				
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD					Tổng số	Trong đó					
																Thu bổ các khoản ứng trước			Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu bổ các khoản ứng trước
43	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường	7573814	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2020		1759/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	64.127	64.127					25.000	25.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
44	Cải tạo, nâng cấp công trình Trụ sở hành chính xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh	7816947	C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2020 - 2021	868/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	315/QĐ-SXD ngày 18/10/2019	14.217	14.217					7.500	7.500			Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
45	Trụ sở hành chính xã Lương Thế Trín, huyện Cái Nước	7720568	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2020 - 2021		301/QĐ-SXD ngày 16/10/2018	13.701	13.701					4.000	4.000			Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
46	Trụ sở hành chính xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7749242	C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2020 - 2021		333/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	14.758	14.758					6.000	6.000			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn		
47	Cải tạo công trình Trụ sở Sở Thông tin và Truyền thông thành trụ sở Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính	7790919	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2020 - 2021		368/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.252	7.252					155	155			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
VIII	AN NINH - QUỐC PHÒNG								496.913	423.886	152.795	109.107	191.744	186.744	25.134	12.913	207.354	207.354	41.372	12.904	
*	Các dự án do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư								334.525	262.242	146.030	104.107	78.125	73.125	15.321	7.413	73.608	73.608	28.321	7.413	
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020								308.525	256.242	146.030	104.107	78.125	73.125	15.321	7.413	68.608	68.608	28.321	7.413	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								308.525	256.242	146.030	104.107	78.125	73.125	15.321	7.413	68.608	68.608	28.321	7.413	
1	Trụ sở xã đội, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cà Mau	7004686	B	Tỉnh Cà Mau	Công trình quân sự	2011 - 2016		112/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 (điều chỉnh)	109.565	109.565	96.831	96.831	12.734	12.734	10.321	2.413	12.734	12.734	10.321	2.413	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
2	Sở Chỉ huy thống nhất, tỉnh Cà Mau (chỉ triển khai các hạng mục công trình trong phạm vi kế hoạch vốn bổ trợ)	7004686	B	H. U Minh	Công trình quân sự	2015 - 2019		1969/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	130.927	130.927	6.000	6.000	41.400	41.400		5.000	41.400	41.400	13.000	5.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
3	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Năm Căn (Ngân sách địa phương hỗ trợ 15,267 tỷ đồng)	7004686	C	H. Năm Căn	Công trình quân sự	2014 - 2016		4096/QĐ-BQP ngày 24/10/2013	30.535	10.750	14.999	1.276	13.991	13.991			9.474	9.474			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
4	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Thới Bình (Ngân sách địa phương hỗ trợ 05 tỷ đồng)	7004686	C	H. Thới Bình	Công trình quân sự	2015 - 2017		5561/QĐ-BQP ngày 26/12/2014	37.498	5.000	28.200		10.000	5.000	5.000		5.000	5.000	5.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020								26.000	6.000							5.000	5.000			
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								26.000	6.000							5.000	5.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng Trường bán, Thao trường huấn luyện BCHQS tỉnh Cà Mau	7004686	C					1870/QĐ-TM ngày 28/11/2018	26.000	6.000							5.000	5.000			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
*	Các dự án do Công an tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư								97.565	96.821	6.765	5.000	67.314	67.314	6.813	-	83.955	83.955	7.466	-	
1.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020								17.969	17.225	6.765	5.000	10.460	10.460	6.813	-	10.460	10.460	6.813	-	
a)	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								17.969	17.225	6.765	5.000	10.460	10.460	6.813	-	10.460	10.460	6.813	-	
1	Xây dựng và san lấp mặt bằng 2 Trạm kiểm soát giao thông đường thủy số 2 và 3	7004692	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp IV	2010		386/QĐ-UBND ngày 23/8/2010	2.578	2.578			2.578	2.578			2.578	2.578			Công an tỉnh Cà Mau
2	Nhà tạm giữ hành chính Công an huyện, thành phố	7004692	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp IV	2014 - 2015		324/QĐ-SKHDT ngày 31/10/2013	6.796	6.052	5.000	5.000	1.052	1.052			1.052	1.052			Công an tỉnh Cà Mau
3	Bồi thường, GPMB xây dựng Trụ sở Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Cà Mau	7004692	C	TP. Cà Mau	BT, GPMB	2013 - 2015			1.878	1.878	1.765		113	113	113		113	113	113		Công an tỉnh Cà Mau
4	Chi phí đầu tư kết cấu hạ tầng lò đốt bỏ trí xây dựng Trụ sở làm việc các cơ quan thuộc Công an tỉnh Cà Mau	7004692	C	TP. Cà Mau	4.477,5 m ²	2015		1918/TB-SXD ngày 16/12/2014	6.717	6.717			6.717	6.717	6.700		6.717	6.717	6.700		Công an tỉnh Cà Mau
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020								79.596	79.596	-	-	56.854	56.854	-	-	73.495	73.495	653	-	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								79.596	79.596	-	-	56.854	56.854	-	-	73.495	73.495	653	-	
1	Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7004692	C	Tỉnh Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2020	5932/UBND-XD ngày 30/10/2015	1671/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 871/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	49.157	49.157			30.127	30.127			43.682	43.682			Công an tỉnh Cà Mau
2	Phương án hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng Đền Công an Đắc Mũi, huyện Ngọc Hiển	7004692	C	H. Ngọc Hiển	Phương án	2018		2132/QĐ-UBND ngày 28/12/2017; 211/QĐ-UBND ngày 08/02/2018; 196/QĐ-UBND ngày 31/01/2019; 1805/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	742	742			26.727	26.727			742	742	653		Công an tỉnh Cà Mau
3	Dự án Camera giám sát giao thông và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Cà Mau	7004692	C	Tỉnh Cà Mau	Camera	2017 - 2018	1785/UBND-XD ngày 27/10/2017	1822/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	29.697	29.697							29.071	29.071			Công an tỉnh Cà Mau
*	Các công trình do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư								64.823	64.823	-	-	46.305	46.305	3.000	5.500	49.791	49.791	5.585	5.491	
1.1	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020								64.823	64.823	-	-	46.305	46.305	3.000	5.500	49.791	49.791	5.585	5.491	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								64.823	64.823	-	-	46.305	46.305	3.000	5.500	49.791	49.791	5.585	5.491	
1	Bồi thường GPMB xây dựng trụ sở Hai đội Biên phòng 2	7004686	C	H. Trần Văn Thới	5,3 ha	2014 - 2015		84/QĐ-UBND ngày 23/01/2014	5.215	5.215			5.215	5.215			5.215	5.215			Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
2	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Gốc	7004686	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2017	1193/QĐ-UBND ngày 18/8/2015	40/QĐ-SXD ngày 23/3/2016	6.456	6.456			6.400	6.400		2.400	6.040	6.040		2.400	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bỏ ra từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Điều chỉnh Kế hoạch vốn NSTT&NTSDD giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)				Chức danh tư							
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tái cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD	Tổng số (tái cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD		Trong đó: vốn NSTT&NTSDD		Tổng số (tái cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD			
									Tổng số (tái cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NTSDD								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
																			Thu hồi các khoản ứng trước			Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
3	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Sông Dốc	7004686	C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2017	1482/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	325/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	5.286	5.286			4.870	4.870		1.100	4.823	4.823		1.100	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau			
4	Xây dựng mới một số hạng mục công trình của Đồn Biên phòng Sông Dốc	7004686	C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2017	1483/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	378/QĐ-SXD ngày 29/12/2015	1.878	1.878			1.800	1.800				1.970	1.970			Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau		
5	Sửa chữa, xây dựng mới một số hạng mục công trình của Đồn Biên phòng Hòn Chuối	7004686	C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2017	1484/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	164/QĐ-SXD ngày 30/6/2016	5.490	5.490			5.488	5.488				5.393	5.393			Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau		
6	Nhà ở chiến sỹ mới Đại đội huấn luyện thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau	7004686	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2017	1573/QĐ-UBND ngày 13/9/2016	334/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	5.906	5.906			5.906	5.906	3.000	2.000		5.791	5.791	3.000	1.991	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau		
7	Dự án đóng mới 02 tàu phục vụ hoạt động các lực lượng trên đảo Hòn Khoai	7004686	C	H. Ngọc Hiển	Tàu gỗ tải trọng 50 tấn và 3,5 tấn	2016	1640/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	525/QĐ-SXD ngày 21/10/2016	5.230	5.230			5.230	5.230				995	995			Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau		
8	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Tàu/Đồn Biên phòng Đất Mũi	7004686	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	1485/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	392/QĐ-SXD ngày 29/9/2017	6.480	6.480			6.400	6.400				5.914	5.914	2.585		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau		
9	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Hương Mai/Đồn Biên phòng Khánh Tiến	7004686	C	H. U Minh	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	1481/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	251/QĐ-SXD ngày 13/6/2017	4.996	4.996			4.996	4.996				4.500	4.500			Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau		
10	Dự án đầu tư xây dựng một số công trình tại các Trạm Kiểm soát Biên phòng Đả Bạc, Bỏ Đẻ, Hố Gù và Khánh Hội	7004686	C	H.TVT, U Minh, Đầm Dơi, Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp III và nông nghiệp & PTNN	2019 - 2022	1758/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2452/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 điều chỉnh	1823/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	17.886	17.886								9.150	9.150			Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau		
IX	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ												32.734	32.734				25.365	25.365			Số Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh		
X	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỐN ĐỘNG KHI QUYẾT TOÁN												28.453	28.453	18.176			53.879	53.879	17.244		Số Tài chính phân khai thực hiện		
XI	VỐN LẬP QUY HOẠCH TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050																	475	475					
XII	DỰ PHÒNG												181.415	181.415										

* Năm 2019: KHV năm 2019 kéo dài sang 2020 được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 là 25.015 triệu đồng, nhưng khi được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 là 23.309 triệu đồng (mất vốn đầu tư xây dựng đường đầu nối Quốc lộ 1A vào dự án khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A (Khu A), xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau; Hội trường và Khối đoàn thể xã Quach Phẩm, huyện Đầm Dơi; Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Tàu/Đồn Biên phòng Đất Mũi; Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Hương Mai/Đồn Biên phòng Khánh Tiến)



PHỤ LỤC XI
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT
(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ khi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017				Điều chỉnh Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)					Chủ đầu tư
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
																Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=(22+...+26)	20	21	27	
	TỔNG SỐ								13.377.249	6.005.608	3.367.621	900.435	4.654.181	3.567.337	56.627	-	4.564.559	3.566.527	60.907	-		
A	LĨNH VỰC Y TẾ								2.272.696	1.105.351	1.080.483	254.146	555.265	509.273	-	-	745.555	663.755	-	-		
1.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020								1.247.882	507.040	874.249	174.586	188.488	180.884	-	-	247.080	239.226	-	-		
a)	Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								1.247.882	507.040	874.249	174.586	188.488	180.884	-	-	247.080	239.226	-	-		
1	Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	7146174	B	TP. Cà Mau	75 giường	2014 - 2020		1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1762/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	213.633	213.633	55.391	55.391	111.638	111.638				134.708	134.708			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Cà Mau	7182289	B	TP. Cà Mau	400 giường	2009 - 2020		1831/QĐ-UBND ngày 29/10/2009; 1025/QĐ-UBND ngày 27/6/2018; 1213/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	488.025	192.894	412.105	66.128	21.800	21.800				69.167	69.167			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Trung tâm Y tế huyện Phú Tân	7440795	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp IV	2017 - 2018		1627/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1045/QĐ-UBND ngày 12/6/2020	30.476	17.495	5.539	5.539	11.956	11.956				11.916	11.666			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Trung tâm Y tế huyện Thới Bình	7498318	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng cấp III	2015 - 2017		1599/QĐ-UBND ngày 23/10/2014; 1863/QĐ-UBND ngày 01/12/2015	25.608	10.364	545	197	17.771	10.167				11.704	4.100			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
5	Bệnh viện đa khoa huyện Thới Bình	7498318	B	H. Thới Bình	25.734 m ²	2009 - 2017	69/QĐ-UBND ngày 22/01/2007	1685/QĐ-UBND ngày 31/10/2008	147.880	15.000	105.878	-	15.000	15.000				9.324	9.324			Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
6	Bệnh viện đa khoa khu vực Đầm Dơi	7003533	B	H. Đầm Dơi	150 giường	2008 - 2017		1930/QĐ-UBND ngày 11/11/2009	181.312	4.323	139.889	-	4.323	4.323				4.762	4.762			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
7	Bệnh viện đa khoa khu vực Năm Căn	7008896	B	H. Năm Căn	200 giường	2010 - 2017		1925/QĐ-UBND ngày 11/11/2009	160.948	53.331	154.902	47.331	6.000	6.000				5.499	5.499			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020								1.024.814	598.311	206.234	79.560	366.777	328.389	-	-	498.475	424.529	-	-		
a)	Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								1.024.814	598.311	206.234	79.560	366.777	328.389	-	-	498.475	424.529	-	-		
1	Mua sắm trang thiết bị y tế cho Bệnh viện vệ tinh Sản - Nhi tỉnh Cà Mau (giai đoạn 2)	7523473	C	TP. Cà Mau	Mua sắm mới	2015 - 2016		212/QĐ-SKHĐT ngày 30/6/2015; 216/QĐ-SKHĐT ngày 04/02/2016	6.815	6.815			6.815	6.815				6.815	6.815			Sở Y tế
2	Dự án nâng cấp cơ sở vật chất cho các trạm y tế trong hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu của tỉnh Cà Mau (Dự án AP)	7369487	B	Các H, TP	XD mới 52 trạm YT, NC, SC 49 trạm YT	2011 - 2014		1867/QĐ-UBND ngày 07/12/2011	285.074	79.598	205.476	78.802	796	796				796	796			Sở Y tế
3	Sửa chữa một số hạng mục công trình thuộc Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7474051	C	TP. Cà Mau	Công trình y tế cấp II	2015 - 2016		261/QĐ-SKHĐT ngày 23/9/2014	2.940	1.182			1.182	1.182				1.182	1.182			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017				Điều chỉnh Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)				Chu đầu tư	
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT								Tổng số	Trong đó		
																			Thu hồi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ XĐC/B
4	Sửa chữa Nhà Kỹ thuật - Nghiệp vụ thuộc Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7522783	C	TP. Cà Mau	Công trình y tế cấp II	2015 - 2016		164/QĐ-SXD ngày 17/7/2015; 104/QĐ-SXD ngày 12/5/2016; 443/QĐ-SXD ngày 10/11/2017	2.001	2.001	758	758	525	525		525	525		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
5	Trung tâm Y tế huyện Đầm Dơi	7539811	C	H. Đầm Dơi	Công trình công cộng cấp IV	2016 - 2018	801/QĐ-UBND ngày 15/6/2015	280/QĐ-SXD ngày 28/10/2015	13.044	11.000			11.000	11.000		12.650	12.650		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
6	Trung tâm Y tế huyện Trần Văn Thời	7538654	C	H. Trần Văn Thời	Công trình công cộng cấp IV	2016 - 2018	802/QĐ-UBND ngày 15/6/2015	277/QĐ-SXD ngày 28/10/2015	13.896	13.896			11.800	11.800		11.800	11.800		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
7	Mua sắm máy chụp X - quang tại Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy Cà Mau	7615069	C	TP. Cà Mau	01 máy	2016 - 2017	1600/QĐ-UBND ngày 15/9/2016	540/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2016	2.813	2.813			2.700	2.700		2.655	2.655		Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy Cà Mau		
8	Mua sắm hệ thống chụp mạch xỏ nền DSA cho Bệnh viện đa khoa Cà Mau (trong đó nguồn thu từ viện phí, phí dịch vụ y tế: 2,5 tỷ đồng, còn lại là vốn NSNN)	7580551	C	TP. Cà Mau	01 máy	2016 - 2018	83/HĐND-TT ngày 19/4/2016	1399/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	37.988	19.639			37.988	19.600		18.137	18.137		Bệnh viện đa khoa Cà Mau		
9	Đổi ứng Dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện các bệnh viện trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Vốn vay WB)	Nhiều công trình	C	Các H, TP	Công trình xử lý chất thải rắn độc hại cấp III	2016 - 2017		1289 - 1294/QĐ-UBND ngày 04/9/2015	5.315	5.273			4.273	4.273		2.293	2.293		Sơ Y tế		
10	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Cà Mau (Ngân sách trung ương hỗ trợ 56.946 triệu đồng)	7570996	B	TP. Cà Mau	200 giường	2017 - 2020	107/HĐND-TT ngày 06/6/2016	1812/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	135.956	59.087			59.087	59.087		79.576	22.630		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
11	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau	7562653	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2016 - 2020	278/HĐND-TT ngày 27/10/2016	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.407	48.407			43.566	43.566		32.759	32.759		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
12	Nhà Kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7541537	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng - y tế cấp III	2015-2019	197/HĐND-TT ngày 18/9/2015; 253/HĐND-TT ngày 03/10/2018	1697/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	105.907	105.907			60.645	60.645		106.684	106.684		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
13	Sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy và cải tạo sân, đường nội bộ Bệnh viện đa khoa Cà Mau		C	TP. Cà Mau	HT chữa cháy; sân, đường nội bộ	2017 - 2018	1556/QĐ-UBND ngày 13/9/2017	422/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	1.443	1.443			1.400	1.400		1.200	1.200		Bệnh viện đa khoa Cà Mau		
14	Bệnh viện đa khoa huyện Ngạc Hiên	7002173	B	H. Ngạc Hiên	75 giường	2008 - 2020		1761/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	136.965	35.000						35.000	35.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
15	Sửa chữa một số hạng mục công trình tại Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7644558	C	TP. Cà Mau	Một số hạng mục	2018 - 2019	1576/QĐ-UBND ngày 18/9/2017	432/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	5.007	5.007			5.000	5.000		3.910	3.910		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
16	Công trình đầu tư xây dựng mở rộng nhà đặt máy DSA thành đơn vị can thiệp tim mạch	7780935	C	TP. Cà Mau		2019-2020		238/QĐ-SXD ngày 22/8/2019	2.116	2.116						1.900	1.900		Bệnh viện đa khoa Cà Mau		
17	Dự án đầu tư hệ thống chụp cắt lớp vi tính cho bệnh viện đa khoa Cà Mau	7790674	C	TP. Cà Mau		2020 - 2021		1881/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	40.016	40.016						29.999	29.999		Bệnh viện đa khoa Cà Mau		
18	Dự án đầu tư lắp đặt hệ thống máy lọc máu trung tâm, khí sạch phòng mổ, mở rộng Khoa Hồi sức tích cực và chống độc, mua máy lọc thận nhân tạo	7708611	C	TP. Cà Mau	Mua sắm trang thiết bị	2018 - 2020		1228/QĐ-UBND ngày 07/8/2018	19.357	19.357						17.547	17.547		Bệnh viện đa khoa Cà Mau		
19	Đề án xây dựng các bệnh viện tỉnh (Bệnh viện đa khoa Cà Mau và Bệnh viện Sản - Nhi) làm vệ tinh các bệnh viện TP. HCM giai đoạn 2016 - 2020 (TMDT khoảng 196.425 triệu đồng; trong đó vốn NSNN: 164.547 triệu đồng)								159.754	139.754			120.000	100.000		133.047	116.047				
19.1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020	7684305	B	TP. Cà Mau	Mua sắm trang thiết bị	2018-2020		1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	86.198						86.131	69.131		Bệnh viện đa khoa Cà Mau		
19.2	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Chợ Rẫy giai đoạn 2016-2020	7684304	C	TP. Cà Mau	Mua sắm trang thiết bị	2018 - 2020		1315/QĐ-UBND ngày 21/8/2018	27.329	7.329						3.969	3.969		Bệnh viện đa khoa Cà Mau		
19.3	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Từ Dũ giai đoạn 2016-2020	7757509	C	TP. Cà Mau		2019 - 2020		469/QĐ-UBND ngày 21/3/2019	8.863	8.863						7.927	7.927		Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau		
19.4	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Nhi đồng 1 giai đoạn 2 (2016-2020)	7834487	C	TP. Cà Mau		2019 - 2021		1895/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	37.364	37.364						35.020	35.020		Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau		
B	LĨNH VỰC GIAO DỤC VÀ ĐÀO TẠO								1.756.922	1.487.191	360.565	360.566	891.058	888.019	14.260	-	969.703	947.231	9.191	-	
1.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020								679.270	522.592	349.365	349.366	46.042	46.042	5.060	-	41.801	41.801	-	-	
a)	Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								286.460	251.763	212.235	212.236	35.374	35.374	5.060	-	30.317	30.317	-	-	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã giải ngân từ khoản công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017		Điều chỉnh Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)				Chủ đầu tư			
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT					Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó		
																Thu hồi các khoản ứng trước				Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Phú Tân	7282554	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp IV	2011 - 2016		398/QĐ-SKH&ĐT ngày 29/10/2010; 118/QĐ-SXD ngày 15/6/2015	17.976	16.851	13.370	13.370	3.481	3.481			3.481	3.481		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân		
2	Trường Chính trị tỉnh Cà Mau	7405223	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp IV	2013 - 2015		174/QĐ-SKHĐT ngày 31/12/2012	13.510	10.375	9.200	9.200	1.175	1.175			1.175	1.175		Trường Chính trị tỉnh Cà Mau		
3	Trường THPT chuyên Phan Ngọc Hiển	7087208	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2011 - 2014		330/QĐ-UBND ngày 05/3/2012 (Điều chỉnh)	120.885	91.691	89.578	89.578	2.113	2.113			2.113	2.113		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
4	Trường THCS Phong Điền, huyện Trần Văn Thời	7467263	C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng	2015 - 2016		230/QĐ-SKH&ĐT 31/7/2014	4.064	4.064	3.859	3.859	178	178			178	178		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời		
5	Trường THCS Khánh Hải 1, huyện Trần Văn Thời	7467260	C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng	2015 - 2016		231/QĐ-SKH&ĐT 31/7/2014	3.920	3.920	3.077	3.077	345	345			345	345		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời		
6	Trường THCS Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời	7493885	C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng	2015 - 2016		286/QĐ-SKH&ĐT 29/10/2014	10.966	10.966	9.837	9.837	493	493			493	493		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời		
7	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh Cà Mau (giai đoạn 2)	7236420	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2013 - 2015		303/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2013	14.311	14.217	12.917	12.917	1.300	1.300			1.300	1.300		Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh Cà Mau		
8	Công trình đầu tư xây dựng khối 6 phòng học và hội trường thuộc Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Cà Mau	7442038	C	TP. Cà Mau	Xây dựng 06 phòng học và hội trường								472	472			472	472		Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Cà Mau		
9	Công trình đầu tư xây dựng khối 8 phòng học thuộc Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Cà Mau	7491781	B	TP. Cà Mau	Xây dựng 08 phòng học và nhà vệ sinh	2015 - 2016		279/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2014	7.952	7.770	3.000	3.000	4.770	4.770			4.988	4.988		Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Cà Mau		
10	Trường THCS thị trấn Năm Căn (giai đoạn 2)	7008601	C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2011 - 2015		442/QĐ-SKHĐT ngày 26/3/2014	15.535	14.567	8.917	8.917	5.650	5.650			5.635	5.635		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn		
11	Đối ứng Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc tỉnh Cà Mau	7007950	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2008 - 2016		1023/QĐ-UBND ngày 07/7/2008	42.838	42.838	36.441	36.441	6.397	6.397	5.060		1.337	1.337		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		
12	Trường THPT Quách Văn Phẩm, huyện Đầm Dơi	7219218	C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng cấp III	Đến hết năm 2018		1851/QĐ-UBND ngày 30/10/2009; 1184/QĐ-UBND ngày 06/7/2017	34.504	34.504	22.040	22.040	9.000	9.000			8.800	8.800		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
b) Dự án gián, hoàn tiền dự thi công đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý									392.810	270.829	137.130	137.130	10.668	10.668	-	-	11.484	11.484	-	-		
1	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Cà Mau (cơ sở 2)	7034499	B	TP. Cà Mau	66.620 m ²	2010 - 2015		1870/QĐ-UBND ngày 30/10/2009	162.968	162.968	30.983	30.983	9.359	9.359			10.175	10.175		Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Cà Mau		
2	Trường Cao đẳng Công đồng tỉnh Cà Mau cơ sở 2 (giai đoạn 1)	7196722	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2010 - 2015		1735/QĐ-UBND ngày 12/10/2009	229.842	107.861	106.147	106.147	1.309	1.309			1.309	1.309		Trường Cao đẳng Công đồng tỉnh Cà Mau		
1.2 Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020									1.077.652	964.599	11.200	11.200	845.016	841.977	9.200	-	927.902	905.430	9.191	-		
a) Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020									1.077.652	964.599	11.200	11.200	845.016	841.977	9.200	-	927.902	905.430	9.191	-		
1	Trường THCS - THPT Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	7541535	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2020 - 2021	1114/QĐ-UBND ngày 04/8/2015; 1606/QĐ-UBND ngày 20/9/2019	314/QĐ-SXD ngày 30/10/2015; 365/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	10.135	10.135			5.989	5.989			5.989	5.989		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
2	Trường THPT Tác Văn, thành phố Cà Mau (giai đoạn 2)	7541066	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2017	1021/QĐ-UBND ngày 17/7/2015	294/QĐ-SXD ngày 29/10/2015	10.955	9.250			9.250	9.250			9.250	9.250		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
3	Trường THPT Tân Bằng, huyện Thới Bình (giai đoạn 1)	7510541	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	1334/QĐ-UBND ngày 11/9/2015	315/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	13.454	10.050	200	200	9.850	9.850			9.850	9.850		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
4	Trường THCS Hòa Mỹ, huyện Cái Nước	7543183	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	1141/QĐ-UBND ngày 06/8/2015	309/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	12.323	12.323			11.901	11.901			11.901	11.901		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
5	Trường THCS Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước	7543171	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	1142/QĐ-UBND ngày 06/8/2015	310/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	12.480	12.480			11.699	11.699			11.690	11.690		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
6	Trường THCS Ta An Khuơng Nam, huyện Đầm Dơi	7501906	C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng cấp III	2015 - 2016		288/QĐ-SKHĐT ngày 30/10/2014	12.270	12.169	11.000	11.000	1.169	1.169			1.169	1.169		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
7	Công trình 10 phòng học Trường THPT Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời	7561657	C	H. TVT	10 phòng học	2016 - 2018	172/QĐ-UBND ngày 29/01/2016	306/QĐ-SXD ngày 26/10/2016	7.391	7.391			6.244	6.244			6.000	6.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
8	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Tân Lộc, huyện Thới Bình	7584789	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	1297/QĐ-UBND ngày 01/8/2016	239/QĐ-SXD ngày 31/8/2016	13.555	13.555			12.985	12.985			13.040	13.040		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình		
9	Xây dựng mới 10 phòng học và phòng chức năng Trường THPT Phú Hưng, huyện Cái Nước	7581626	C	H. Cái Nước	10 phòng học và phòng chức năng	2017 - 2019	1374/QĐ-UBND ngày 10/8/2016	316/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	7.993	7.993			6.615	6.615			6.615	6.615		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
10	Trường THCS Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7549968	C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	1642/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	305/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	12.600	12.600			12.600	12.600			11.688	11.688		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	Điều chỉnh Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)				Chủ đầu tư																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
																						Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017				Điều chỉnh Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)				Chú đầu tư		
								Số quyết định, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
																	Thu hồi các khoản ứng trước			Thanh toán nợ XĐC'B		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XĐC'B
23.45	Trường THPT Huỳnh Phú Hùng, huyện Trấn Văn Thôn	7781479	C	H. TVT	Công trình dân dụng	2020- 2021		326/QĐ-SXD ngày 25/10/2019, 274/QĐ-SXD ngày 25/8/2020	5.432	5.432							5.150	5.150		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO			
23.46	Trường THPT Thái Thanh Hòa, huyện Đầm Dơi	7781477	C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2020- 2021		322/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	12.627	12.627							9.000	9.000		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO			
23.47	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	7558815	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng	2019 - 2020		429/QĐ-UBND ngày 30/10/2015, 2823/QĐ-UBND ngày 26/11/2018, 1110/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	12.403	8.110							8.110	8.110		Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân			
23.48	Trường Tiểu học Phú Mỹ 1 (Phú Thuận 1), xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	7558824	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng	2019 - 2020		432/QĐ-UBND ngày 30/10/2015, 2824/QĐ-UBND ngày 26/11/2018	10.506	7.600							7.600	7.600		Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân			
23.49	Trường Tiểu học 1 xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	7736534	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2019 - 2020		2743/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	10.922	4.500							4.500	4.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển			
23.50	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trường Mầm non Bạch Dương, thị trấn U Minh, huyện U Minh	7670337	C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2018	3264/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	3323/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	9.184	6.727							6.727	6.727		Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh			
23.51	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Kim Đồng, xã Khánh Hội, huyện U Minh	7631308	C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2017 - 2018	1623/QĐ-UBND ngày 05/5/2017	1894/QĐ-UBND ngày 13/6/2017	7.191	4.697							4.697	4.697		Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh			
23.52	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trường Mẫu giáo xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7653854	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2018 - 2019		2743/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	8.494	1.000							1.900	1.900		Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển			
23.53	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trường Mẫu giáo xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển	7589947	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2017 - 2018		589/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	7.173	436							4.696	4.696		Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển			
23.54	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trường Mầm non Hoa Phong Lan, huyện Thới Bình	7718498	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2018 - 2019	3949/QĐ-UBND ngày 04/08/2017	4330/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	1.971	500							500	500		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình			
23.55	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trường Tiểu học Huỳnh Thi Kim Liên, huyện Thới Bình	7727237	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2018 - 2019		4223/QĐ-UBND ngày 18/9/2017	1.712	500							500	500		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình			
23.56	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trường Mầm non Phong Lạc, xã Phong Lạc, huyện Trấn Văn Thôn	7636129	C	H. Trấn Văn Thôn	Công trình dân dụng	2017 - 2018	3800/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	3898/QĐ-UBND ngày 01/8/2017, 7617/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 (độc)	5.620	1.220							1.220	1.220		Hỗ trợ ngân sách huyện Trấn Văn Thôn			
23.57	Trường Tiểu học 4 Khánh Bình Đông, huyện Trấn Văn Thôn	7684553	C	H. Trấn Văn Thôn	Công trình dân dụng	2017 - 2019	2068/QĐ-UBND ngày 27/4/2017	5646/QĐ-UBND ngày 30/10/2017, 4942/QĐ-UBND ngày 07/8/2019	5.987	475							475	475		Hỗ trợ ngân sách huyện Trấn Văn Thôn			
23.58	Trường Tiểu học Nguyễn Đình Chiểu, phường 8, Trường Tiểu học Văn Lang, phường 4, thành phố Cà Mau (Mua sắm bàn ghế học sinh)	7199192	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2019		160/QĐ-UBND ngày 07/02/2012, 572/QĐ-STC ngày 21/8/2019	2.899	2.899							2.899	2.899		Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau (Công văn số 5288/UBND-XĐ ngày 24/7/2019)			
23.59	Trường Mẫu giáo Ta An Khương, huyện Đầm Dơi		C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2017 - 2018											1.000	1.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi			
23.60	Đóng góp chương trình an ninh trật tự trong giao thông trên địa bàn tỉnh Cà Mau (SEQAP) các công trình trường học trên địa bàn thành phố Cà Mau		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng												167	167		Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau			
23.61	Trường Tiểu học Tri Phái, xã Tri Phái, huyện Thới Bình	7506861	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2015 - 2016	1150/UBND ngày 09/09/2014	5917/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	13.664	13.664	8.000	8.000					4.560	4.560		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình (Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)			
23.62	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Ban Mai, xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình	7614616	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2018 - 2019	4344/QĐ-UBND ngày 05/10/2016	4537/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	4.552	1.000							1.000	1.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình (Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)			
23.63	Xây dựng 10 phòng học Trường Tiểu học Cái Dồi Văm 2, thị trấn Cái Dồi Văm, huyện Phú Tân	7596792	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng												4.000	4.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân (Công văn số 850/UBND-XĐ ngày 07/02/2017 của UBND tỉnh)			
23.64	Trường Mầm non Sơn Ca, xã Trấn Hoi, huyện Trấn Văn Thôn	7578854	C	H. Trấn Văn Thôn	Công trình dân dụng	2016 - 2017	1333/QĐ-UBND ngày 16/6/2016	1838/QĐ-UBND ngày 01/8/2016	11.787	2.600							2.600	2.600		Hỗ trợ ngân sách huyện Trấn Văn Thôn (Công văn số 4908/UBND-XĐ ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh)			
23.65	Trường Mẫu giáo xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển	7616454	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng												5.300	5.300		Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển			
23.66	Trường Tiểu học 1 xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn		C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng												2.000	2.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn			
23.67	Trường Tiểu học Tân Hùng, xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi		C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng												2.000	2.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi			
23.68	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Tân Bình	7635774	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2018 - 2019	4344/QĐ-UBND ngày 05/10/2016	4538/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	11.836	2.000							2.000	2.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình			
23.69	Trường Mẫu giáo Bồng Sen, xã Rạch Chèo	7596498	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng												2.000	2.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017			Điều chỉnh Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)				Chú đầu tư			
								Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	
									Tổng số	Trong đó: vốn XSKT							Tổng số	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số	Trong đó: vốn XSKT
23.70	Trường Tiểu học Tân Hưng Tây C, xã Rach Chèo	7596790	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng												2.000	2.000			Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân	
23.71	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất cho các trường học trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2017		C	Cà Mau	Công trình dân dụng												39.306	39.306			Các đơn vị trường học	
23.72	Trường THCS Hàm Rồng, huyện Năm Căn		C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng												2.700	2.700			Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn	
23.73	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, huyện U Minh	7480859	C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2015 - 2016	2460/UBND-XD ngày 14/8/2014	913/QĐ-UBND ngày 01/4/2015	7.329	4.591							4.591	4.591			Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh	
23.74	Trường Mầm non Bông Hồng, huyện U Minh	7469137	C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2014 - 2016	799/UBND-CV ngày 10/4/2014	2290/QĐ-UBND ngày 07/8/2014	5.380	3.134							3.134	3.134			Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh	
23.75	Trường Mầm non Hướng Dương, huyện U Minh	7413923	C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2013 - 2015	687/UBND-XD ngày 25/3/2013	1281/QĐ-UBND-16/7/2013	5.731	1.349							1.349	1.349			Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh	
23.76	Trường Tiểu học Đặng Thùy Trâm, huyện U Minh	7469129	C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2015 - 2016	798/UBND-XD ngày 10/4/2014	2136/QĐ-UBND ngày 08/7/2014	5.217	1.577							1.577	1.577			Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh	
23.77	Trường Tiểu học 2 xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển		C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng												2.900	2.900			Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển	
23.78	Trường Mẫu giáo xã Viên An, huyện Ngọc Hiển		C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng												3.100	3.100			Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển	
23.79	Trường Mẫu giáo Tân Dân, huyện Đầm Dơi		C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng												6.770	6.770			Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi	
23.80	Trường Mẫu giáo thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi		C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng												8.700	8.700			Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi	
23.81	Trường Mầm non Sao Mai, thành phố Cà Mau		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng												2.800	2.800			Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau	
23.82	Trường THCS Lương Thế Vinh, thành phố Cà Mau		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng												600	600			Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau	
23.83	Trường Mầm non Vành Khuỷn, thành phố Cà Mau		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng												2.000	2.000			Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau	
23.84	Trường Mầm non Sơn Ca, huyện U Minh	7480857	C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2015 - 2016	2460/QĐ-UBND ngày 14/8/2014	558/QĐ-UBND ngày 19/3/2015	9.721	1.670							1.670	1.670			Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh	
23.85	Trường Mầm non Hoa Sen, huyện Trần Văn Thời	7484999	C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng	2014 - 2015		6818/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	7.422	420							420	420			Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời	
23.86	Trường Mầm non Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời	7549862	C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng	2015 - 2016	4655/QĐ-UBND ngày 12/10/2015	5407/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	5.123	1.381							1.381	1.381			Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời	
23.87	Trường Mầm non Rạng Đông, huyện Thới Bình	7457580	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2016 - 2017	3089/QĐ-UBND ngày 11/07/2016	3852/QĐ-UBND ngày 15/08/2016	2.000	2.000							2.000	2.000			Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình	
23.88	Trường Mẫu giáo Hoa Mai, huyện Phú Tân		C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng												960	960			Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân	
23.89	Trường Mẫu giáo Hương Giang, huyện Phú Tân		C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng												1.100	1.100			Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân	
23.90	Hỗ trợ kinh phí mua sắm bàn ghế, máy tính cho Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Cà Mau		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng												3.000	3.000			Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau	
23.91	Hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị cho các trường học trên địa bàn huyện U Minh		C	H. U Minh	Công trình dân dụng												1.000	1.000			Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh	
23.92	Nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới Trường Mẫu giáo Thanh Phú, huyện Cái Nước	7556276	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2016-2017	2711/QĐ-UBND ngày 01/10/2015	666/QĐ-UBND ngày 29/02/2016	7.398	4.000							4.000	4.000			Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước	
23.93	Trường Tiểu học 3 Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời	7571466	C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng	2015 - 2017		5960/QĐ-UBND ngày 28/12/2015; 6178/QĐ-UBND ngày 20/11/2017	8.048	8.000							8.000	8.000			Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời	
23.94	Trường Mẫu giáo Ta An Khương, huyện Đầm Dơi		C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng												8.000	8.000			Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi	
23.95	Trường Mẫu giáo Hoa Mai, huyện Phú Tân		C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng												8.000	8.000			Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân	
23.96	Trường Tiểu học Thới Thuận, huyện Thới Bình	7554260	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2016 - 2017	494/QĐ-UBND ngày 24/02/2016	1136/QĐ-UBND ngày 30/03/2016	7.000	7.000							7.000	7.000			Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình	
23.97	Trường Mầm non Tuổi Ngọc, huyện Thới Bình	7553647	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2016 - 2017	495/QĐ-UBND ngày 24/02/2016	1137/QĐ-UBND ngày 30/03/2016	3.500	3.500							3.500	3.500			Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình	
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI								1.147.027	737.631	129.261	127.242	506.076	492.746	-	-	376.256	306.256	-	-		
1.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020								406.020	382.201	115.043	115.043	237.010	237.010	-	-	48.177	48.177	-	-		
a)	Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								362.905	339.086	102.645	102.645	233.983	233.983	-	-	45.195	45.195	-	-		
1	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Cái Nước	7231666	B	H. Cái Nước	5,87 ha	2009 - 2016		1696/QĐ-UBND ngày 07/11/2014	30.020	29.504	27.753	27.753	1.751	1.751			1.751	1.751			Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017			Điều chỉnh Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)				Chủ đầu tư	
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		
									Tổng số	Trong đó: vốn XSKT						Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó
2	Xây dựng Salatet cho vùng đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau	7425541	C	Các huyện	8 Salatet	2014 - 2016		277/QĐ-SKHĐT ngày 16/10/2013	14.965	14.764	9.770	9.770	4.994	4.994			4.994	4.994		Ban Dân tộc tỉnh	
3	Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Cà Mau	7441493	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2014 - 2016		341/QĐDA-SKHĐT ngày 31/10/2013	12.619	12.619	11.384	11.384	900	900			844	844		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
4	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục công trình tại Khu công viên văn hóa du lịch Mũi Cà Mau	7428112	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp IV	2015 - 2016		284/QĐ-SKHĐT ngày 29/10/2014	12.281	11.304	5.612	5.612	5.692	5.692			5.692	5.692		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
5	Dài Tượng miếu các Anh hùng liệt sỹ tỉnh Cà Mau	7231951	C	TP. Cà Mau	Công trình văn hóa cấp II	2016 - 2018	837/QĐ-UBND ngày 19/6/2015	1667/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	16.850	16.850	423	423	14.346	14.346			14.226	14.226		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
6	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Ngọc Hiển (giai đoạn 1)	7304009	C	H. Ngọc Hiển	20.564 m ²	2013 - 2015		171/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2012	14.943	14.943	10.601	10.601	4.300	4.300			175	175		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
7	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Phú Tân (giai đoạn 1)	7275587	C	H. Phú Tân	05 ha	2011 - 2015		1659/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	39.977	39.977	19.761	19.761	20.216	20.216			15.983	15.983		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
8	Bảo tàng tỉnh Cà Mau	7171773	B	TP. Cà Mau	Công trình cấp I (Bảo tàng huyện...)	2012 - 2016		588/QĐ-UBND ngày 16/4/2012	221.250	199.125	17.341	17.341	181.784	181.784			1.530	1.530		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
b) Dự án giảm hoàn tiến độ thi công đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý									43.115	43.115	12.398	12.398	3.027	3.027			2.982	2.982	-	-	
1	Trung tâm Phát sóng truyền hình tỉnh Cà Mau	7235549	C	TP. Cà Mau	5.987 m ²	2011 - 2015		1018/QĐ-UBND ngày 28/6/2010	43.115	43.115	12.398	12.398	3.027	3.027			2.982	2.982		Dài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau	
1.2 Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020									741.007	355.430	14.218	12.199	269.066	255.736	-	-	328.079	258.079	-	-	
a) Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020									548.233	281.831	14.218	12.199	242.684	229.354	-	-	239.879	229.879	-	-	
1	Dền thờ 10 Anh hùng Liệt sỹ khởi nghĩa Hòn Khoai	7231951	C	TP. Cà Mau	Dền thờ và các hạng mục khác	2017 - 2019	125/HĐND-TT ngày 21/6/2016	1867/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	40.886	40.886	44	44	28.830	28.830			29.880	29.880		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Đổi ứng Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Cà Mau - giai đoạn 2 theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ		B	Các huyện, thành phố	5.308 hộ	2017 - 2018	22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013	905/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	185.885	19.421			19.421	19.421			19.030	19.030		Sơ xây dựng emu tri, pnoi hợp với các đơn vị có liên quan để xuất phân khai chi s.đ.	
3	Dự án cầu từ "sơia sam trong truet o ne trong san xuat cangrong trinh phat thanh truyền hình chuẩn HD" (Ngân sách tỉnh 33.044 triệu đồng; Quý phát triển sự nghiệp của Đài PT-TH tỉnh 2.000 triệu đồng)	7664967	C	TP. Cà Mau	Trang thiết bị	2018 - 2020	23/QĐ-HĐND ngày 19/10/2017	1804/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	35.044	33.044			31.740	29.740			32.138	32.138		Dài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau	
4	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau (NSTW hỗ trợ 10 tỷ đồng)	7618943	C	H. U Minh	Các hạng mục công trình khác, chủ	2017 - 2020	343/QĐ-UBND ngày 01/3/2017	395/QĐ-SXD ngày 02/10/2017	12.460	1.460			12.460	1.460			11.330	1.330		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
5	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sỹ huyện Dầm Dơi	7566485	C	H. Dầm Dơi	Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp IV	2016	1513/QĐ-UBND ngày 12/10/2015	306/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	3.125	3.125			2.903	2.903			2.903	2.903		Ủy ban nhân dân huyện Dầm Dơi	
6	Xây dựng một số hạng mục công trình tại Trường Núi duy trẻ khuyết tật tỉnh Cà Mau	7567513	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	800/QĐ-UBND ngày 10/5/2016	319/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	7.011	7.011			6.705	6.705			6.705	6.705		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
7	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Nghĩa trang Liệt sỹ huyện Trần Văn Thời (Ngân sách tỉnh đầu tư nền dài, phủ diều)	7011808	C	H. Trần Văn Thời	Các hạng mục	Đến năm 2019		1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	15.142	4.785							4.733	4.733		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
8	Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy tại Xẻo Dước (giai đoạn 2)	7528335	C	H. Phú Tân	Công trình cấp II	2016	4912/UBND-XD ngày 17/9/2014	30/QĐ-SXD ngày 13/02/2015	3.778	3.778			3.149	3.149			3.349	3.349	-	Sơ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
9	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội tỉnh Cà Mau	7007924	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2014 - 2016		340/QĐDA-SKHĐT ngày 31/10/2013	14.991	3.403			3.403	3.403			3.403	3.403		Sơ Lao động, Thương binh và Xã hội	
10	Bổ kế Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Cà Mau	7549688	C	TP. Cà Mau	157 m	2016	3338/UBND-XD ngày 01/7/2015	49/QĐ-SNN ngày 30/9/2015	938	844			844	844			900	900		Sơ Lao động, Thương binh và Xã hội	
11	Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội tỉnh Cà Mau	7007924	C	H. U Minh	Công trình dân dụng cấp III	2014 - 2016		340/QĐDA-SKHĐT ngày 31/10/2013	14.991	1.711			1.711	1.711			1.711	1.711		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
12	Sửa chữa, nâng cấp Khu tượng đài khởi nghĩa Hòn Khoai	7542990	C	H. Năm Căn	Công trình cấp II	2016 - 2017	1489/UBND-XD ngày 08/10/2015	300/QĐ-SXD ngày 29/10/2015	6.012	6.012			4.500	4.500			4.946	4.946		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
13	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tội ác Mỹ Ngụy ở Biệt khu Hải Yến - Bình Hưng	7258703	C	H. Phú Tân	Các hạng mục	2013 - 2018		1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	46.868	46.868	2.019		43.365	43.365			27.422	27.422		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
14	Sửa chữa một phần khán đài B thuộc sân vận động tỉnh làm nhà nghỉ cho vận động viên năng khiếu		C	TP. Cà Mau	Cải tạo, sửa chữa	2018 - 2019	1782/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	430/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	2.535	2.535			2.500	2.500			2.491	2.491		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
15	Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử các địa điểm Xứ ủy Nam Bộ - Trung ương cục miền Nam (giai đoạn cuối năm 1949 đầu năm 1955) tỉnh Cà Mau giai đoạn 1 (phần vốn ngân sách tỉnh đối ứng)		B	Trên địa bàn tỉnh	10,7ha	2016 - 2020	05a/QĐ-HĐND ngày 31/3/2017		46.845	17.861			17.861	17.861						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
16	Sân bóng đá huyện Trần Văn Thời	7203228	C	H. Trần Văn Thời	7.589 m ²	05/01/2011 31/12/2014	317/QĐ-SKH&ĐT ngày 30/10/2009	398/QĐ-SKH&ĐT ngày 19/12/2013	17.068	13.895	12.155	12.155	1.740	1.740			1.740	1.740		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
17	Công trình trùng tu, phục dựng một số hạng mục thuộc di tích lịch sử Đình Tân Hưng	7541084	C	TP. Cà Mau	Di tích lịch sử Quốc gia cấp I	2016	891/QĐ-UBND ngày 30/6/2015	293/QĐ-SXD ngày 29/10/2015	985	922			922	922			922	922		Sơ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017		Điều chỉnh Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)						Chủ đầu tư		
								Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT						Tổng số	Trong đó			Tổng số		Trong đó	
																	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
18	Công trình trùng tu, phục dựng một số hạng mục thuộc di tích lịch sử Hồng Anh Thư Quán	7541096	C	TP. Cà Mau	Di tích lịch sử Quốc gia cấp III	2016	921/QĐ-UBND ngày 02/7/2015	324/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	620	525			525	525			525	525			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
19	Công trình trùng tu, phục dựng một số hạng mục thuộc di tích Khu căn cứ Tỉnh ủy tại Lung Lã - Nhà Thờ	7541078	C	H. Cái Nước	Di tích lịch sử Quốc gia cấp III	2016	963/QĐ-UBND ngày 10/7/2015	323/QĐ-SXD ngày 30/10/2015, 203/QĐ-SXD ngày 08/5/2017	2.538	2.538			1.768	1.768			2.538	2.538			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
20	Tu bổ, tôn tạo di tích Sắc tứ Quan âm cổ tự (trong đó nguồn xã hội hóa 330 triệu đồng hạng mục Bia tôn tại tích sử chùa)	7584202	C	TP. Cà Mau	2.366 m ²	2017 - 2018	2065/QĐ-UBND ngày 30/12/2015	20/QĐ-SXD ngày 03/02/2016	2.920	2.590			2.920	2.590			2.460	2.460			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
21	Tu bổ, tôn tạo một số hạng mục công trình tại Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	7682980	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2019	1769/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	55/QĐ-SXD ngày 05/4/2018	1.511	1.511			1.700	1.700			1.384	1.384			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
22	Nâng cấp, xây dựng mới một số hạng mục công trình tại Đoàn Cải lương Hương Tràm tỉnh Cà Mau	7567510	C	TP. Cà Mau	Các hạng mục công trình	2017 - 2018	886/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	323/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	8.534	8.534			8.467	8.467			7.300	7.300			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
23	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Thới Bình (giai đoạn 2)	7604195	C	H. Thới Bình	SLMB, sân, đường, công, rãnh rào	2017 - 2018	1776/QĐ-UBND ngày 14/10/2016	321/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	13.969	13.969			10.300	10.300			10.576	10.576			Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình		
24	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tàn tật tỉnh Cà Mau	7618944	C	TP. Cà Mau	18.109 m ²	2019 - 2020	548/QĐ-UBND ngày 24/3/2017	1813/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	18.210	18.210			13.660	13.660			16.950	16.950			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
25	Công trình cải tạo, nâng cấp Tượng đài Khởi nghĩa Hòn Khoai, huyện Năm Căn	7796342	C	H. Năm Căn	Các hạng mục công trình	2020 - 2021		472/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.184	8.500							8.500	8.500			Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn		
26	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nhà ở trong Khu du lịch Lăng nghệ thuộc Công viên Văn hóa - Du lịch Mũi Cà Mau	7755813	C	H. Ngọc Hiển	Các hạng mục công trình	2019 - 2021	630/QĐ-UBND ngày 11/4/2019, 986/QĐ-UBND ngày 03/6/2020	119/QĐ-SXD ngày 14/5/2019, 1363/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	25.893	12.893							9.100	9.100			Ban Quản lý dự án công trình Giao thông		
27	Tượng đài khởi nghĩa Hòn Khoai kết hợp công trình văn hóa, thể dục, thể thao huyện Năm Căn	7744880	C	TP. Cà Mau	18.109 m ²	2019 - 2020	548/QĐ-UBND ngày 24/3/2017	510/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	7.290	5.000							5.000	5.000			Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn		
28	Hỗ trợ đầu tư các công trình xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện U Minh	Nhiều công trình	C	H. U Minh													1.500	1.500			Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh		
29	Hỗ trợ đầu tư xây dựng các Trung tâm Văn hóa Thể thao xã trên địa bàn các huyện và sửa chữa, cải tạo di tích Đền thờ Bắc Hồ tại xã Viên An, huyện Ngọc Hiển												21.290	21.290			20.443	20.443					
29.1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Ta An Khương, huyện Đầm Dơi	7565238	C	H. Đầm Dơi													5.306	5.306			Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi		
29.2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Hòa Mỹ, huyện Cái Nước (Xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2017)	7592422	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2016 - 2017	1548/QĐ-UBND ngày 25/4/2016	2710/QĐ-UBND ngày 05/10/2015	5.377	3.337							3.337	3.337			Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước		
29.3	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thôn	7571463	C	H. Trần Văn Thôn	Công trình công cộng, cấp III	2015 - 2017	5924/QĐ-UBND ngày 23/12/2015	5962/QĐ-UBND ngày 28/12/2015	4.359	4.000							4.000	4.000			Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thôn		
29.4	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân		C	H. Phú Tân													6.800	6.800			Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân		
29.5	Sửa chữa, cải tạo di tích Đền thờ Bắc Hồ tại xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	7595769	C	H. Ngọc Hiển													1.000	1.000			Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển (Công văn số 749/UBND-XD ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh)		
b)	Dự án hoàn thành sau năm 2020								192.774	73.599	-	-	26.382	26.382			88.200	28.200	-	-			
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Diêm du lịch Đất Mũi thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Cà Mau	7560286	B	H. Ngọc Hiển	Các hạng mục công trình	2016-2021	07/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	542/QĐ-UBND ngày 30/3/2016, 1270/QĐ-UBND ngày 31/7/2019, 1668/QĐ-UBND ngày 03/9/2020	133.639	23.639							69.500	9.500			Ban Quản lý dự án công trình Giao thông		
2	Dự án đầu tư mua sắm xe truyền hình lưu động chuẩn HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau	7817027	C	TP. Cà Mau	Mua sắm	2020 - 2021		1882/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.875	20.700							10.700	10.700			Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau		
3	Tu bổ, chỉnh trang, nâng cấp Đền thờ Vua Hùng tại xã Tân Phú, huyện Thới Bình	7807092	C	H. Thới Bình	2.951 m ²	2020- 2021	1836/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	1901/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.260	29.260			26.382	26.382			8.000	8.000			Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình		
D	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU								7.479.209	2.074.222	1.648.820	158.481	2.280.022	1.255.539	42.367	-	2.175.901	1.441.421	51.716	-			
1	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới								2.196.628	996.105	913.634	74.287	598.679	593.043	17.199	-	791.722	791.722	17.199	-			
1.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020								1.478.550	396.652	913.634	74.287	321.438	321.438	7.199	-	333.301	333.301	7.199	-			
a)	Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								1.478.550	396.652	913.634	74.287	321.438	321.438	7.199	-	333.301	333.301	7.199	-			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017			Điều chỉnh Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)				Chủ đầu tư			
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT						Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó		
																	Thu hút các khoản ứng trước				Thanh toán nợ NDCB	Thu hút các khoản ứng trước	Thanh toán nợ NDCB
1	Cầu Vàm Ông Đình, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển	7438512	C	H. Ngọc Hiển	166 m	2014 - 2015		1628/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	28.269	18.310	11.000	11.000	7.310	7.310			7.310	7.310			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Tuyến đường giao thông Phú Mỹ - Vàm Đình, huyện Phú Tân	7483994	C	H. Phú Tân	10.750 m	2015 - 2016		590/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	22.034	10.405	10.735	-	10.405	10.405			10.405	10.405			Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân		
3	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tam Giang, huyện Năm Căn	7089451	B	H. Năm Căn	Cấp VI đồng bằng	2015 - 2018		1697/QĐ-UBND ngày 07/01/2014	69.113	6.516	62.541	-	6.516	6.516			6.516	6.516			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn		
4	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Lâm Hải, huyện Năm Căn	7008862	B	H. Năm Căn	Cấp VI đồng bằng	2015 - 2017		677/QĐ-UBND ngày 15/5/2015	67.358	7.922	59.437	-	7.922	7.922			7.922	7.922			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn		
5	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7008874	B	H. Năm Căn	Cấp VI đồng bằng	2015 - 2018		1310/QĐ-UBND ngày 08/9/2015	114.749	50.750	63.223	-	50.750	50.750			42.570	42.570			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn		
6	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	7021553	B	H. Đầm Dơi	Cấp VI đồng bằng. 32.748 m	Đến năm 2018		1201/QĐ-UBND ngày 20/8/2008; 1044/QĐ-UBND ngày 22/6/2016	249.113	92.000	150.493	-	92.000	92.000			90.690	90.690			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
7	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi	7021576	B	H. Đầm Dơi	Cấp VI đồng bằng. 20.303 m	Đến năm 2016		295/QĐ-UBND ngày 07/5/2007; 808/QĐ-UBND ngày 10/5/2016	93.996	30.422	61.113	-	30.422	30.422			32.496	32.496			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
8	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Ta An Khương Nam - Ta An Khương Đông, huyện Đầm Dơi	7021529	B	H. Đầm Dơi	Cấp VI đồng bằng. 10.250 m	Đến năm 2016		162/QĐ-UBND ngày 27/01/2016	81.864	3.321	77.893	-	3.321	3.321			3.321	3.321			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
9	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Thanh Tùng (Đầm Dơi - Thanh Tùng), huyện Đầm Dơi	7018895	B	H. Đầm Dơi	Cấp VI đồng bằng. 18.350 m	Đến năm 2016		121/QĐ-UBND ngày 22/01/2016	52.384	2.560	49.682	-	2.560	2.560			2.560	2.560			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
10	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi	7021597	B	H. Đầm Dơi	Cấp VI đồng bằng. 7.642 m	Đến năm 2016		122/QĐ-UBND ngày 25/01/2016	48.967	972	46.862	-	972	972			972	972			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
11	Tuyến đường từ Lầu Quốc Gia đến trung tâm xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi	7018906	B	H. Đầm Dơi	Cấp VI đồng bằng. 11.150 m	Đến năm 2016		806/QĐ-UBND ngày 10/5/2016	47.486	4.538	40.865		4.538	4.538	3.751		4.538	4.538	3.751		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
12	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi	7157075	B	H. Đầm Dơi	Cấp VI đồng bằng. 13.030 m	Đến năm 2016		1039/QĐ-UBND ngày 22/6/2009; 567/QĐ-UBND ngày 04/4/2016	140.456	3.448	136.354	-	3.448	3.448	3.448		3.448	3.448	3.448		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
13	Cầu qua sông Đầm Dơi đầu nối trung tâm xã Tân Dân vào tuyến đường Đầm Dơi - Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi	7431234	C	H. Đầm Dơi	Tải trọng 0,4 HL 93	2014 - 2015		306/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2013	14.500	14.500	14.131	14.131	369	369			369	369			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
14	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển	7003165	B	H. Ngọc Hiển	Cấp VI đồng bằng								22.042	22.042			22.042	22.042			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
15	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	7003174	B	H. Ngọc Hiển	Cấp VI đồng bằng	2011 - 2015		1391/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 (điều chỉnh)	148.792	6.057			6.057	6.057			6.057	6.057			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
16	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Phong Diên, huyện Trần Văn Thôn	7011500	B	H. Trần Văn Thôn	Cấp VI đồng bằng	2009 - 2015		478/QĐ-UBND ngày 24/3/2008; 671/QĐ-UBND ngày 14/5/2015	57.879	4.593	52.437		4.593	4.593			4.593	4.593			Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thôn		
17	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Thuận, huyện U Minh	7008087	B	H. U Minh	Cấp VI đồng bằng	2009 - 2016	797/QĐ- UBND ngày 16/5/2008	797/QĐ- UBND ngày 16/5/2008	40.151	40.151	36.297	36.297	1.844	1.844			1.844	1.844			Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
18	Tuyến đường từ cầu Rạch Cây Khô đến Kênh 12 thị trấn U Minh, huyện U Minh	7007534	C	H. U Minh	2.232 m	2014 - 2016		1603/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	32.425	9.459	12.859	12.859	9.459	9.459			9.459	9.459			Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
19	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tổ)	7007534	B	H. U Minh	Cấp VI đồng bằng	2016 - 2019		614/QĐUBND ngày 08/4/2014	126.362	83.818	5.802	-	50.000	50.000			69.279	69.279			Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
20	Xây dựng 05 cây cầu trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi	7478495	C	H. Đầm Dơi	05 cây cầu	2015 - 2017		1654/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	42.652	6.910	21.910		6.910	6.910			6.910	6.910			Ban Quản lý dự án công trình Giao thông		
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020								718.078	599.453	-	-	277.241	271.605	10.000	-	458.421	458.421	10.000	-			
a)	Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								718.078	599.453	-	-	277.241	271.605	10.000	-	458.421	458.421	10.000	-			
1	Xây dựng tuyến đường đầu nối từ cầu Ô Rô đến đường Hồ Chí Minh thuộc Dự án tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển	7003165	B	H. Ngọc Hiển	Cấp VI đồng bằng	Đến năm 2019		222/QĐ-UBND ngày 06/02/2015; 1049/QĐ-UBND ngày 02/7/2018	112.601	31.942							9.581	9.581			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
2	Cầu qua sông Rạch Gốc, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	7546546	C	H. Ngọc Hiển	Chiều dài cầu chính 181,54 m	2016 - 2018	1626/QĐ-UBND ngày 27/10/2015	1651/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	36.259	36.259			33.000	33.000			34.155	34.155			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
3	Xây dựng mới cầu Nhà Điều; duy tu, sửa chữa cầu Dinh Hân trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	7586950	C	H. Ngọc Hiển	02 cầu	2017 - 2018	799/QĐ-UBND ngày 10/5/2016	457/QĐ-SGTVT ngày 14/9/2016	14.861	14.861			14.841	14.841			14.841	14.841			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
4	Tuyến đường đầu nối từ cầu qua sông Rạch Gốc đến cầu Nhà Điều, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	7665156	C	H. Ngọc Hiển	3.000 m	2018 - 2020	1512/QĐ-UBND ngày 01/9/2017	579/QĐ-SGTVT ngày 31/10/2017	14.889	14.889			14.889	14.889			12.884	12.884			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
5	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vinh, huyện Năm Căn (xây dựng mới 03 cầu Xi Tê, Trung Đoàn, Công An)	7562293	C	H. Năm Căn	03 cầu	2017 - 2019	645/QĐ-UBND ngày 13/4/2016	1741/QĐ-UBND ngày 10/10/2016; 1158/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	43.736	39.362			39.000	39.000	10.000		42.603	42.603	10.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017		Điều chỉnh Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)						Chủ đầu tư			
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn XSKT		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT						Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó	
																	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
6	Tuyến đường để Tây sông Trẹm đoạn từ thị trấn Thới Bình đến xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình (Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% theo Công văn số 4758/UBND-XĐ ngày 19/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	7613954	C	H. Thới Bình	7 680 m	2017 - 2018	314/QĐ-UBND ngày 14/7/2016	4545/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	13.336	3.699			9.335	3.699			3.699	3.699		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình			
7	Tuyến đường từ Hàng Khâu đến Chà Lả, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển (Ngân sách tỉnh hỗ trợ 05 tỷ đồng tại Công văn số 6500/UBND-XĐ ngày 21/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)		C	H. Ngọc Hiển		2018	2621/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	2750B/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	5.672	5.000			5.000	5.000			5.000	5.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển			
8	Hỗ trợ xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn huyện Trần Văn Thôn (Tuyến Kênh Tư thuộc liên ấp Kênh Tư - Đòn Đông, xã Khánh Lộc đoạn từ Km0+000 đến Km1+785 và đoạn từ Km1+800 đến Km3+431,17)	7742163	C	H. Trần Văn Thôn	Đường GTNT, cấp C	2019	6199/QĐ-UBND ngày 12/9/2018	6933/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.500	3.500							3.500	3.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thôn			
9	Hỗ trợ xây dựng công trình lộ GTNT tuyến Vĩnh Hạng II đầu nối Bảo Rạng - Cây Trâm và xây dựng mới cầu Vĩnh Hạng, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi		C	H. Đầm Dơi													2.900	2.900		Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi			
10	Hỗ trợ xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn huyện Thới Bình (Mở rộng Lộ kênh 3, ấp Lê Giáo, xã Biển Bạch Đông và Lộ kênh C4, xã Tân Lộc)	7553673 7575322	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2016-2017	4345/QĐ-UBND ngày 09/10/2015, 662/QĐ-UBND ngày 01/3/2016	4696/QĐ-UBND ngày 30/10/2015, 1152/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	2.585	2.000							2.000	2.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình			
11	Xây dựng mới 04 cầu trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7657727	C	H. U Minh	04 cầu	2018 - 2020	1395/QĐ-UBND ngày 14/8/2017	580/QĐ-SGTVT ngày 31/10/2017	10.145	10.145			10.145	10.145			9.194	9.194		Ủy ban nhân dân huyện U Minh			
12	Tuyến đường vào trung tâm hành chính mới xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7640724	C	H. U Minh	03 km	2018 - 2020	105/QĐ-UBND ngày 18/01/2016	392/QĐ-SGTVT ngày 04/8/2017	14.958	14.958			14.958	14.958			13.084	13.084		Ủy ban nhân dân huyện U Minh			
13	Cầu Đường Kéo thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7638797	C	H. Ngọc Hiển	01 cầu	2018 - 2020	1402/QĐ-UBND ngày 15/8/2017	1802/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	41.164	41.164			39.748	39.748			38.984	38.984		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
14	Công trình đầu tư xây dựng mặt đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7664663	C	H. Năm Căn và H. Đầm Dơi	5.146 m	2018 - 2020	1763/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	1816/QĐ-UBND ngày 31/10/2017, 906/QĐ-UBND ngày 30/5/2019	28.976	28.976			19.569	19.569			25.505	25.505		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
15	Sửa chữa mặt đường BTCT hiện hữu, mở rộng 01 m đoạn từ Km5+600 - Km9+810 và bãi đậu xe tại xã Trần Phú thuộc dự án đường ô tô đến trung tâm xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi	7555458	C	H. Đầm Dơi	4.010 m	2017 - 2018	1641/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	530/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2015	14.600	14.600			14.600	14.600			11.721	11.721		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi			
16	Tuyến đường để Tây sông Trẹm đoạn từ kênh 15 đến kênh 25 huyện Thới Bình (giáo ranh huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang)	7736493	C	H. Thới Bình	Xây dựng mới	2018-2020	11/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	5940/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	24.240	10.000							5.000	5.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình (Thông báo số 806/TB-VP ngày 06/10/2017 của Văn phòng UBND tỉnh)			
17	Hỗ trợ các xã đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn mới (cấp bù kế hoạch vốn TPCP đầu tư xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2014 - 2016)	Nhiều công trình	C	Các huyện, thành phố		2016			25.334	25.334			25.334	25.334			25.334	25.334		Hỗ trợ các xã đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn mới			
18	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng các xã xây dựng nông thôn mới năm 2016	Nhiều công trình	C	H. Phú Tân, Đầm Dơi, Thới Bình, TVT		2016											17.022	17.022		Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân, Đầm Dơi, Thới Bình, Trần Văn Thôn			
19	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đầm Thi Tướng, huyện Trần Văn Thôn	7610805	C	H. Ngọc Hiển	Cấp VI đồng bằng	2018 - 2020	67/QĐ-UBND ngày 12/01/2017	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.258	44.258							29.257	29.257		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
20	Cầu qua sông Cái Đồi Vam, huyện Phú Tân	7603197	B	H. Ngọc Hiển	Cấp VI đồng bằng	2017 - 2021	1977/QĐ-UBND ngày 15/11/2016, 972/QĐ-UBND ngày 01/6/2020	1162/QĐ-UBND ngày 30/6/2017, 1470/QĐ-UBND ngày 04/8/2020	70.755	62.297							42.000	42.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
21	Cầu bắc ngang sông Cái Tàu, huyện U Minh	7596751	B	H. U Minh	01 cầu	2019 - 2021	79/HĐND-TT ngày 05/4/2016	1863/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	88.954	88.954							32.700	32.700					
22	Cầu Xóm Ruộng, huyện Đầm Dơi	7636415	C	H. Đầm Dơi	01 cầu	2018 - 2020	1352/QĐ-UBND ngày 15/8/2017	1808/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	34.520	34.520							17.300	17.300					
23	Cầu Cơn Nồm và cầu Kênh Đùng, huyện Trần Văn Thôn	7652205	C	H. Trần Văn Thôn	02 cầu	2020 - 2022	1654/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	1758/QĐ-UBND ngày 24/10/2017, 1310/QĐ-UBND ngày 14/7/2020	33.097	33.097							17.050	17.050					
24	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường nhựa Kênh T21 (đoạn từ cầu kênh T21 đến giáp đường công Khi Điền Đạm), huyện U Minh	7734354	C	H. U Minh	Cấp V đồng bằng	2020 - 2022	1931/QĐ-UBND ngày 26/11/2018	1357/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	24.742	24.742							19.000	19.000					
25	Cầu Dinh Han trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	7794716	C	H. Ngọc Hiển				1012/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.896	14.896							12.707	12.707					
26	Hỗ trợ các huyện đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn												36.822	36.822			11.400	11.400					

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017			Điều chỉnh Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)				Chủ đầu tư			
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT						Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó		
																	Thu hồi các khoản ứng trước				Thanh toán nợ XĐCB	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XĐCB
1.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020																						
a)	Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020																						
1	Dự án đầu tư xây dựng Kè cấp bách tại xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi (NSTW hỗ trợ 159.400 triệu đồng)	7296707	B	H. Đầm Dơi	2.773 m	2016 - 2020	276a/HĐND-TT ngày 13/11/2015	545/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1819/QĐ-UBND ngày 30/12/2017; 1765/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	234.955	64.651	919	919	249.966	64.651			190.883	59.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT			
2	Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Cà Mau	Nhiều công trình	C	Các huyện	trong, ngoài xã, bảo vệ	2016 - 2020		295/QĐ-UBND ngày 01/3/2016	20.124	20.124			17.800	17.800	3.854		14.167	14.167	3.854	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau			
3	Kè chống sạt lở Mũi Cà Mau	7310799	B	H. Ngọc Hiển									30.000	30.000			30.000	30.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
4	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Rạch Gốc, tỉnh Cà Mau	7027469	B	H. Ngọc Hiển	Cấp vùng	2009 - 2014		1378/QĐ-BNN-TCTS ngày 12/6/2012	99.973	7.500	91.973		7.500	7.500			7.500	7.500		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
5	Bờ kè chống sạt lở khu dân cư thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn	7005815	B	H. Năm Căn	826,6m	2014 - 2020		1384/QĐ-UBND ngày 06/9/2014; 1764/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	89.740	54.740			4.600	4.600			14.600	4.600		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT			
6	Công trình xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7778006	C	H. Năm Căn		2020 - 2021		244/QĐ-SXD ngày 28/8/2019	14.440	14.440							14.054	14.054		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
7	Công trình nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước tại Tru sở Vườn Quốc gia U Minh hạ và lấp đất mới tuyến ống kênh T19	7753193	C	H. U Minh, TVT		2020 - 2021		72/QĐ-SXD ngày 04/4/2019	4.262	4.262							4.158	4.158	1.028	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
8	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng VII - Nam Cà Mau	7005987	B	H. Đầm Dơi	2.773 m	2016 - 2020		549/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	84.348	3.650							43.650	3.650		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT			
b)	Dự án hoàn thành sau năm 2020								3.060.902	293.108	105.879	-	947.188	136.184	-	-	382.252	131.001	321	-			
1	Đổi ứng Tiểu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khi hậu tổng hợp và sinh kế bền vững DBSCL - ICRSL"	7605935	B	Các huyện: NH, NC, ĐD, PT, UM, TVT	Đầu tư CSHT phòng chống xói lở bờ biển	2016 - 2022		1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016	792.883	90.000			403.000	90.000			218.263	38.300		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
2	Đổi ứng Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam" do Quỹ Khí hậu xanh tài trợ không hoàn lại thông qua Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc	7692036	B	Các huyện	03 Hợp phần	2017 - 2021	1029/QĐ-TTg ngày 13/7/2017	479/QĐ-UBND ngày 21/3/2018; 1955/QĐ-UBND ngày 05/11/2019	81.587	1.983			900	900			2.256	2.256	321	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
3	Đổi ứng Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đại rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau" sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức		B	H. U Minh	9.917m	2017 - 2022	617/QĐ-TTg ngày 08/5/2017		219.480	27.140			131.688	16.284						Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
4	Đổi ứng Dự án xây dựng đê biển Tây từ Cái Đôi Vàm đến kênh Năm và kè phòng chống sạt lở bờ biển các đoạn xung yếu từ cửa Sông Đốc đến cửa sông Bảy Háp (AFD)		B	H. Phú Tân, TVT	21km đê biển Tây; 15km đê chống sạt lở	2017 - 2022			750.000	58.002			411.600	29.000						Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
5	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp bến cá Khánh Hội, huyện U Minh	7027480	B	H. U Minh	700 chiếc/150 CV	2016 - 2021		1614/QĐ-UBND ngày 20/9/2019; 745/QĐ-UBND ngày 07/5/2020	134.163	21.048							90.552	19.264		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn			
6	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019 và năm 2020	Nhiều công trình						515/QĐ-UBND ngày 28/3/2019; 1900/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	80.440	6.198							5.442	5.442		Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, trình UBND tỉnh quyết định phân khai sử dụng			
7	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau	7643016	B	H. Đầm Dơi	Xây dựng 27 công, 6 trạm bơm và 1 tuyến đê	2017 - 2021	1106/QĐ-BNN-KH ngày 31/3/2017	4423/QĐ-BNN-XĐ ngày 30/10/2017	500.000	21.000							17.025	17.025		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
8	Dự án hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	7067082	B	H. Đầm Dơi	4.907 ha	2012 - 2020		1439/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/6/2013; 3202/QĐ-BNN-KH ngày 31/7/2017; 822/QĐ-BNN-TCTS ngày 08/3/2018	202.712	29.948	105.879						17.450	17.450		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
9	Đổi ứng Dự án Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2015 - 2020	7536253			6.540 m	2016 - 2020		1359/QĐ-UBND ngày 28/8/2018	90.265								2.000	2.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017				Điều chỉnh Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)						Chủ đầu tư	
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				
									Tổng số	Trong đó: vốn XSKT									Tổng số	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số		Trong đó: vốn XSKT
10	Dự án xây dựng kè cấp bách bảo vệ bờ biển Đồng khu vực cửa biển Rạch Gốc, cửa biển Vàm Xoáy, huyện Ngọc Hiển	7723473	B	H. Ngọc Hiển		2018-2019		1117/QĐ-UBND ngày 08/7/2019	134.384	24.384								17.000	17.000			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
11	Dự án xây dựng Kè cấp bách bảo vệ đê biển Tây kết hợp xây dựng khu tái định cư (đoạn từ cống Sào Lườn đến Bắc cống Đả Bạc và đoạn từ Nam Đả Bạc hướng về Kênh Môn)		B	Các huyện	03 Hợp phần	2017 - 2021	1029/QĐ-TTg ngày 13/7/2017	1049/QĐ-UBND ngày 25/6/2019	74.988	13.405								12.264	12.264			Ban Quản lý các dự án ODA&NGO	
III	Đề án xây dựng trụ sở hành chính cấp xã								292.897	292.897	28.685	28.685	248.022	248.022	-	-	-	236.612	236.612	-	-		
I.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020								46.335	46.335	27.696	27.696	16.106	16.106	-	-	-	16.106	16.106	-	-		
a)	Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								46.335	46.335	27.696	27.696	16.106	16.106	-	-	-	16.106	16.106	-	-		
1	Trụ sở hành chính xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	7482662	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2015 - 2016		308/QĐ-SKHDT ngày 31/10/2014	11.114	11.114	4.250	4.250	5.600	5.600				5.600	5.600			Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
2	Trụ sở hành chính xã Khánh Hòa, huyện U Minh	7429628	C	H. U Minh	Công trình dân dụng cấp III	2014 - 2015		329/QĐ-SKHDT ngày 31/10/2013	10.080	10.080	8.714	8.714	600	600				600	600			Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
3	Trụ sở hành chính xã Thanh Phú, huyện Cái Nước	7365321	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng cấp III	2014 - 2016		150/QĐ-SKHDT ngày 17/10/2012	10.394	10.394	9.422	9.422	484	484				484	484			Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
4	Trụ sở hành chính xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi	7489522	C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng cấp III	2015 - 2016		311/QĐ-SKHDT ngày 31/10/2014	14.747	14.747	5.310	5.310	9.422	9.422				9.422	9.422			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
I.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020								246.562	246.562	989	989	231.916	231.916	-	-	-	220.506	220.506	-	-		
a)	Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020								246.562	246.562	989	989	231.916	231.916	-	-	-	220.506	220.506	-	-		
1	Trụ sở hành chính xã Tân Phú, huyện Thới Bình	7543138	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	1123/QĐ-UBND ngày 05/8/2015	281/QĐ-SXD ngày 28/10/2015	10.063	10.063			9.200	9.200				8.900	8.900			Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
2	Trụ sở hành chính xã Tân Bằng, huyện Thới Bình	7600218	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	1122/QĐ-UBND ngày 05/8/2015	320/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	11.846	11.846			10.142	10.142				10.849	10.849			Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
3	Trụ sở hành chính xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình	7600222	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	1135/QĐ-UBND ngày 05/8/2015	320/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	9.471	9.471			8.098	8.098				7.061	7.061			Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
4	Trụ sở hành chính xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thôn	7549877	C	H. Trần Văn Thôn	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	947/QĐ-UBND ngày 07/7/2015	307/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	11.103	11.103	447	447	10.276	10.276				9.795	9.795			Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thôn	
5	Trụ sở hành chính xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thôn	7549871	C	H. Trần Văn Thôn	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	948/QĐ-UBND ngày 08/7/2015	308/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	10.810	10.810	242	242	9.099	9.099				9.297	9.297			Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thôn	
6	Trụ sở hành chính xã Tam Giang, huyện Năm Căn	7549971	C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	1588/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	292/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	13.170	13.170			10.450	10.450				11.692	11.692			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
7	Trụ sở hành chính xã Trần Thới, huyện Cái Nước	7543165	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	1172/QĐ-UBND ngày 13/8/2015	296/QĐ-SXD ngày 29/10/2015	11.374	11.374			10.620	10.620				10.610	10.610			Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
8	Trụ sở hành chính xã Đồng Hưng, huyện Cái Nước	7543178	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	1134/QĐ-UBND ngày 05/8/2015	299/QĐ-SXD ngày 29/10/2015	12.922	12.922			11.748	11.748				11.739	11.739			Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
9	Trụ sở hành chính xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	7546541	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	1190/QĐ-UBND ngày 18/8/2015	290/QĐ-SXD ngày 29/10/2015	13.184	13.184			12.720	12.720				12.844	12.844			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
10	Trụ sở hành chính xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi	7555488	C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	1668/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	311/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	11.473	11.473			10.733	10.733				10.729	10.729			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
11	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở hành chính xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	7599818	C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	1752/QĐ-UBND ngày 11/10/2016	314/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	12.679	12.679			12.650	12.650				12.686	12.686			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
12	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở hành chính xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi	7599813	C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	1126/QĐ-UBND ngày 04/7/2016	326/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	11.068	11.068			11.060	11.060				9.819	9.819			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
13	Trụ sở hành chính xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn	7587761	C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	1653/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	294/QĐ-SXD ngày 26/10/2016	14.559	14.559			14.600	14.600				13.694	13.694			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
14	Trụ sở hành chính xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7572045	C	H. U Minh	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	1500/QĐ-UBND ngày 09/10/2015	146/QĐ-SXD ngày 20/6/2016	12.448	12.448			12.350	12.350				11.436	11.436			Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
15	Cải tạo, mở rộng trụ sở hành chính xã Khánh An, huyện U Minh	7594578	C	H. U Minh	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	1603/QĐ-UBND ngày 23/10/2015	283/QĐ-SXD ngày 17/10/2016	8.906	8.906			8.820	8.820				8.391	8.391			Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
16	Cải tạo, nâng cấp trụ sở hành chính xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7581600	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	1188/QĐ-UBND ngày 18/8/2015	224/QĐ-SXD ngày 22/8/2016	8.444	8.444			8.400	8.400				8.170	8.170			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
17	Trụ sở hành chính xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển	7593870	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	1187/QĐ-UBND ngày 18/8/2015	293/QĐ-SXD ngày 26/10/2016	13.195	13.195			13.100	13.100				8.877	8.877			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
18	Trụ sở hành chính xã Định Bình, thành phố Cà Mau	7601093	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	1542/QĐ-UBND ngày 08/9/2016	321/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	8.054	8.054			8.000	8.000				6.690	6.690			Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
19	Trụ sở hành chính xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau	7583402	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	1937/QĐ-UBND ngày 11/12/2015	226/QĐ-SXD ngày 23/8/2016	12.986	12.986			12.900	12.900				12.700	12.700			Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
20	Trụ sở hành chính xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân	7513830	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	1018/QĐ-UBND ngày 17/7/2015	291/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	13.826	13.826	300	300	11.971	11.971				11.971	11.971			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
21	Trụ sở hành chính xã Nguyễn Việt Khai, huyện Phú Tân	7563785	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	1490/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	324/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	14.981	14.981			14.979	14.979				12.556	12.556			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Lý do vốn đã giải ngân từ khoản công đến hết năm 2015				Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017				Điều chỉnh Kế hoạch vốn XSKT giai đoạn 2016 - 2020 (đã giao kế hoạch vốn hằng năm)				Chủ đầu tư
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
																					Thu hồi các khoản ứng trước	
E	CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG							721.395	601.213	148.492	-			215.303	126.023	-	-					
I.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011 - 2015 sang giai đoạn 2016 - 2020							512.362	392.180	148.492	-			51.567	51.567	-	-					
a)	Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020							512.362	392.180	148.492	-			51.567	51.567	-	-					
1	Cầu qua sông Tắc Thủ thuộc đường Vành đai 1, thành phố Cà Mau	7440195	B	TP Cà Mau	1.410 m	2017 - 2021	1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	191.301	148.700					14.651	14.651			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông				
2	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Ngô Quyền, thành phố Cà Mau	7404890	B	TP Cà Mau		2013 - 2021	1981/QĐ-UBND ngày 27/12/2013	231.080	231.080	131.828				28.286	28.286			Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau				
3	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân	7147972	B	H. Phú Tân		2009 - 2020	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	12.400	16.664				8.630	8.630			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân				
I.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016 - 2020							209.033	209.033					163.736	74.456							
a)	Dự án hoàn thành và đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016 - 2020							209.033	209.033					163.736	74.456	-	-					
1	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông từ Hánh lang ven biển phía Nam đến điểm du lịch sinh thái Sông Trèm	7498224	B	H. U Minh, TVT	4.860 m; 04 cầu	2015 - 2020	2634/HĐND-TT ngày 30/10/2015	1679/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 699/QĐ-UBND ngày 22/4/2016	115.525	115.525				99.280	10.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông				
2	Cầu Cây Dương, thị trấn Dăm Dơi, huyện Dăm Dơi	7799948	C	H. Dăm Dơi		2020 - 2021	1011/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.027	14.027					11.353	11.353			Ủy ban nhân dân huyện Dăm Dơi				
3	Dự án đầu tư xây dựng đường Phan Ngọc Hiến (nối dài), huyện Phú Tân	7603666	C	H. Phú Tân	1.970m	2017 - 2022	2131/QĐ-UBND ngày 09/12/2016; 2253/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	1807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2471/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	79.481	79.481				53.103	53.103			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông				
F	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ											59.514	59.514	21.130	21.130			Sở Kế hoạch và Đầu tư trình phân khai				
G	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐỘNG SAU QUYẾT TOÁN											5.512	5.512	60.711	60.711			Sở Tài chính trình phân khai				
H	DỰ PHÒNG											356.734	356.734									



Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục	Tổng số		Thành phố Cà Mau		Huyện Thới Bình		Huyện U Minh		Huyện Trần Văn Thời		Huyện Đầm Dơi		Huyện Cái Nước		Huyện Phú Tân		Huyện Năm Căn		Huyện Ngọc Hiển	
		KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã giao hàng năm	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã giao hàng năm	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã giao hàng năm	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã giao hàng năm	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã giao hàng năm	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã giao hàng năm	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã giao hàng năm	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã giao hàng năm	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã giao hàng năm	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/12/2017	KHV giai đoạn 2016 - 2020 đã giao hàng năm
I	Vốn cân đối từ nguồn thu ngân sách huyện, thành phố	394.200	453.510	218.700	259.200	25.650	32.850	17.640	17.190	41.400	43.200	37.800	43.200	23.130	26.730	13.500	13.500	11.160	12.960	5.220	4.680
II	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố (tăng bình quân 10%/năm)	793.053	950.715	128.818	148.065	84.861	106.733	90.233	97.479	107.450	130.981	102.871	119.404	70.819	87.988	64.714	74.084	71.674	97.421	71.613	88.560
III	Hỗ trợ khác theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh	68.111				15.636		3.000		7.235		8.086		9.530		5.124		11.500		8.000	
IV	Hỗ trợ khác (sau khi dự kiến bỏ tri chi các nội dung theo nguyên tắc tại mục I, II, III, cân đối vốn còn lại 38.214 triệu đồng và hỗ trợ binh quân 4.246 triệu đồng/huyện, thành phố. Trong đó bao gồm hỗ trợ đầu tư trạm trung chuyển chất thải rắn và bãi chôn lấp hợp vệ sinh trên địa bàn huyện theo Công văn số 7047/UBND ngày 08/9/2017 của UBND tỉnh)	38.214		4.246		4.246		4.246		4.246		4.246		4.246		4.246		4.246		4.246	
	TỔNG SỐ	1.293.578	1.404.225	351.764	407.265	130.393	139.583	115.119	114.669	160.331	174.181	153.003	162.604	107.725	114.718	87.584	87.584	98.580	110.381	89.079	93.240

PHỤ LỤC XIII

**BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH BỐ TRÍ VỐN TỪ NGUỒN TĂNG THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT
VÀ TĂNG THU SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: triệu đồng.

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư được duyet	Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư
				Tổng số	Trong đó: hoàn trả tạm ứng ngân sách	
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG		2.586.157	888.820	341.478	
	NĂM 2017			79.401	58.265	
*	NGUỒN THU VƯỢT XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2016			79.401	58.265	
A	DANH MỤC MUA SẮM, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA NĂM 2017			21.136		
I	Thành phố Cà Mau			3.336		
1	Trường Tiểu học Kim Đồng, xã Định Bình			2.000		UBND thành phố Cà Mau
2	Trường Tiểu học Lê Văn Tám, xã Định Bình			1.336		UBND thành phố Cà Mau
II	Huyện U Minh			1.100		
1	Trường Tiểu học Trần Đại Nghĩa, xã Khánh Tiến	1474/QĐ-UBND ngày 30/6/2016	5.894	600		UBND huyện U Minh
2	Trường Mầm non Hoa Sen, xã Khánh Lâm			500		UBND huyện U Minh
III	Huyện Cái Nước			3.336		



STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư được duyet	Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư
				Tổng số	Trong đó: hoàn trả tạm ứng ngân sách	
1	2	3	4	5	6	7
1	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 1, xã Hòa Mỹ			2.000		UBND huyện Cái Nước
2	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, xã Hòa Mỹ			1.336		UBND huyện Cái Nước
IV	Huyện Đầm Dơi			3.000		
1	Trường Tiểu học Thới Phong, xã Tạ An Khương Đông			3.000		UBND huyện Đầm Dơi
V	Huyện Trần Văn Thời			3.000		
1	Trường Mầm non Phong Lạc, xã Phong Lạc			3.000		UBND huyện Trần Văn Thời
VI	Huyện Ngọc Hiển			3.000		
1	Trường Mẫu giáo xã Đất Mũi			3.000		UBND huyện Ngọc Hiển
VII	Huyện Phú Tân			1.700		
1	Trường Mẫu giáo Bông Sen, xã Rạch Chèo			1.200		UBND huyện Phú Tân
2	Trường Tiểu học Tân Hưng Tây C, xã Rạch Chèo			500		UBND huyện Phú Tân
VIII	Huyện Thới Bình			3.000		
1	Trường Tiểu học Thới Thuận, xã Biển Bạch Đông	4333/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	1.181	700		UBND huyện Thới Bình
2	Trường Tiểu học Tân Bình, xã Tân Lộc Bắc	4538/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	10.361	2.300		UBND huyện Thới Bình
IX	Huyện Năm Căn			3.000		
1	Trường Tiểu học 1 xã Tam Giang Đông			3.000		UBND huyện Năm Căn
B	HỖ TRỢ NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ SỬA CHỮA TRƯỜNG LỚP NĂM 2016			58.265	58.265	
1	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa trường học năm 2016 cho thành phố Cà Mau			2.522	2.522	Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư được duyet	Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư
				Tổng số	Trong đó: hoàn trả tạm ứng ngân sách	
1	2	3	4	5	6	7
2	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa trường học năm 2016 cho huyện Thới Bình			6.695	6.695	Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
3	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa trường học năm 2016 cho huyện U Minh			6.650	6.650	Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh
4	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa trường học năm 2016 cho huyện Trần Văn Thời			14.315	14.315	Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời
5	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa trường học năm 2016 cho huyện Cái Nước			3.995	3.995	Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
6	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa trường học năm 2016 cho huyện Phú Tân			12.990	12.990	Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân
7	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa trường học năm 2016 cho huyện Đầm Dơi			2.610	2.610	Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi
8	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa trường học năm 2016 cho huyện Năm Căn			2.098	2.098	Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn
9	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa trường học năm 2016 cho huyện Ngọc Hiển			6.390	6.390	Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển
	NĂM 2018		1.155.550	172.141	32.000	
*	NGUỒN TĂNG THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017		874.242	108.550	32.000	
I	Danh mục dự án chuyển tiếp chưa được bố trí kế hoạch vốn năm 2018		776.975	91.917	32.000	
1	Ô thủy lợi phục vụ sản xuất chuyên lúa - cá - màu xã An Xuyên, thành phố Cà Mau	310/QĐ-SKHDT ngày 31/10/2014; 1361/QĐ-SNN ngày 01/7/2016	12.763	5.093	3.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng XVIII - Nam Cà Mau	469/QĐ-UBND ngày 03/4/2013	331.132	5.448	2.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Cầu Văn hóa, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	529/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2015	11.686	5.500	4.000	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
4	Các công trình cấp nước tập trung nông thôn	Nhiều công trình	57.194	4.514	1.500	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Nạo vét 02 đoạn sông trong nội ô thành phố Cà Mau (đoạn từ Chùa Bà đến Giồng Kè và đoạn từ Ngã ba sông Gành Hào đến Cầu Nhum)		8.045	3.000	3.000	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
6	Tuyến đường Châu Văn Đặng (đoạn từ đường Nguyễn Tấn Thành đến bờ bao Nông nghiệp), thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn	304/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	11.748	4.634	1.000	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư được duyet	Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư
				Tổng số	Trong đó: hoàn trả tạm ứng ngân sách	
1	2	3	4	5	6	7
7	Công trình đường giao thông từ khu trung tâm Công viên văn hóa du lịch Mũi Cà Mau đầu nối vào lộ đường giao thông qua các hộ dân làm du lịch cộng đồng	321/QĐ-SGTVT ngày 28/10/2015; 446/QĐ-SGTVT ngày 06/02/2017	7.551	1.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
8	Cầu Nhị Nguyệt trên tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi	1472/QĐ-UBND ngày 30/8/2016	22.700	9.340	4.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
9	Trụ sở Sở Tư pháp		37.167	4.359	2.000	Sở Tư pháp
10	Trụ sở Huyện ủy Trần Văn Thời và các Ban Đảng	1846/QĐ-UBND ngày 11/12/2013	45.365	5.000	2.000	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
11	Cải tạo, mở rộng Trụ sở HĐND - UBND huyện Trần Văn Thời	330/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	14.637	8.000	2.000	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
12	Hàng rào Khu trung tâm hành chính huyện Ngọc Hiển	303/QĐ-SXD ngày 30/10/2015; 261/QĐ-SXD ngày 20/6/2017	8.412	3.679	1.000	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
13	Trụ sở Ban QLDA công trình Xây dựng tỉnh Cà Mau (ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư, tương đương 9,555 tỷ đồng)	329/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	13.650	5.535	2.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
14	Trụ sở làm việc Ban Quản lý rừng phòng hộ Năm Căn, huyện Năm Căn	143/QĐ-SXD ngày 16/6/2016	6.860	1.649		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
15	Trụ sở hành chính thị trấn U Minh, huyện U Minh	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	12.510	4.000	1.500	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
16	Trụ sở hành chính thị trấn Cái Đoi Vàm, huyện Phú Tân	315/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	14.480	8.535	1.000	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
17	Tuyến đường Nam Kỳ Khởi nghĩa, thị trấn Cái Đoi Vàm, huyện Phú Tân	315/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	8.694	2.822		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
18	Trụ sở Hạt Kiểm lâm cụm đảo Hòn Khoai	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	3.489	1.300		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Năm Căn (ngân sách địa phương hỗ trợ 15,267 tỷ đồng)	4096/QĐ-BQP ngày 24/10/2013	15.267	2.991	2.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
20	Hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	3.061		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
21	Nâng cấp, mở rộng đường Đầm Dơi - Cái Nước - Cái Đoi Vàm, ĐT.986 (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cống Cây Hương), thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	1665/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	43.644	2.457		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
II	Danh mục dự án chuyển tiếp khác		97.267	5.778		

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư được duyet	Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư
				Tổng số	Trong đó: hoàn trả tạm ứng ngân sách	
1	2	3	4	5	6	7
1	Đổi ứng Dự án thí điểm nâng cao hiệu quả thủy lợi nội đồng tại miền Tây Nam ĐBSCL (khu vực thí điểm 6, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau)	1439/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/6/2013; 3202/QĐ-BNN-KH ngày 31/7/2017	19.345	1.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống - Trại giống Khánh Lâm 2 (Dự án sử dụng vốn NSTW hỗ trợ, vốn ngân sách tỉnh đổi ứng 7.000 triệu đồng; kế hoạch vốn NSTW năm 2018 đã bố trí 2.000 triệu đồng)	540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	63.060	2.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Dự án đầu tư xây dựng đường đê nổi từ Quốc lộ 1A vào Dự án Khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A (Khu A), xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	277/QĐ-SXD ngày 14/10/2016	14.862	2.778		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
III	Thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất			10.855		
*	NGUỒN TĂNG THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2017		281.308	63.591		
A	LĨNH VỰC Y TẾ		45.304	850		
1	Đổi ứng Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải các bệnh viện tỉnh Cà Mau	1289,1290,1291,1292, 1293,1294/QĐ-UBND ngày 04/9/2015	45.304	850		Sở Y tế
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA - THỂ THAO		54.920	7.000		
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Ngọc Hiển	171/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2016	14.943	3.000		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Phú Tân	1206/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	39.977	4.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
C	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		154.696	49.341		
I	Thành phố Cà Mau		17.658	4.700		
1	Trường Tiểu học Kim Đồng	392/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	10.928	3.000		Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau
2	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	394/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	6.730	1.700		Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau
II	Huyện Ngọc Hiển		10.209	250		
1	Trường Mẫu giáo xã Đất Mũi, đạt chuẩn quốc gia	2010/QĐ-UBND, ngày 28/10/2016	10.209	250		Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư được duyet	Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư
				Tổng số	Trong đó: hoàn trả tạm ứng ngân sách	
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
III	Huyện Phú Tân		20.210	5.300		
1	Trường Mẫu giáo Bông Sen, xã Rạch Chèo	2672/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	9.399	2.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân
2	Trường Tiểu học Tân Hưng Tây C, xã Rạch Chèo	767/QĐ-UBND ngày 17/3/2016	8.770	2.300		Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân
3	Trường Mẫu giáo Hương Giang, xã Việt Thắng (đạt chuẩn quốc gia mức độ 2)	666/QĐ-UBND ngày 22/3/2016	2.041	500		Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân
IV	Huyện Trần Văn Thời		18.527	1.200		
1	Trường Mầm non Sơn Ca, xã Trần Hợi	1838/QĐ-UBND ngày 01/8/2016	11.787	500		Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời
2	Trường Mầm non Khánh Bình Đông	3182/QĐ-UBND ngày 28/10/2017	6.740	700		Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời
V	Huyện U Minh		5.894	1.300		
1	Trường Tiểu học Trần Đại Nghĩa	1474/QĐ-UBND ngày 30/6/2016	5.894	1.300		Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh
VI	Huyện Thới Bình		38.875	22.741		
1	Trường Mầm non Ban Mai	4537/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	4.552	1.300		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
2	Trường Mầm non Hoa Phượng	4540/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	7.459	4.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
3	Trường Tiểu học Tân Bình	4538/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	10.361	4.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
4	Trường Tiểu học Phong Tiến	4536/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	7.077	6.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
5	Trường Tiểu học Tân Quý	4539/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	7.326	6.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
6	Trường Tiểu học Trí Phải, đạt chuẩn quốc gia	4138/QĐ-UBND ngày 12/09/2016	2.100	441		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
VII	Huyện Cái Nước		25.128	8.300		

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư được duyet	Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư
				Tổng số	Trong đó: hoàn trả tạm ứng ngân sách	
1	2	3	4	5	6	7
1	Trường Mẫu giáo Thạnh Phú	666/QĐ-UBND ngày 29/02/2016	7.398	2.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
2	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 1	3631/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	9.956	3.700		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
3	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	1548/QĐ-UBND ngày 25/4/2016	7.774	2.600		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
VIII	Huyện Đầm Dơi		18.195	5.550		
1	Trường Mẫu giáo Tạ An Khương, đạt chuẩn quốc gia	1111/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	11.237	800		Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi
2	Trường Tiểu học Tân Hùng, xã Ngọc Chánh, đạt chuẩn quốc gia	1206/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	6.958	4.750		Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi
D	LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		26.388	6.400		
1	Tuyến đường từ cầu Rạch Tàu đến UBND xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển	1376/QĐ-UBND ngày 28/7/2016	8.135	1.400		Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển
2	Tuyến đường từ UBND xã Tân Hưng đến đê Đông huyện Cái Nước	2599/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	11.904	3.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
3	Tuyến đường BTCT kênh xáng Quốc phòng, xã Đất Mới, huyện Năm Căn	520/QĐ-UBND ngày 23/11/2015	6.349	2.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn
	NĂM 2020		1.430.606	637.278	251.213	
*	NGUỒN TĂNG THU TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NĂM 2019		1.005.404	214.462	186.986	
-	Dự án đầu tư xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây, phục vụ an ninh, quốc phòng khu vực Hòn Đá Bạc kết hợp phòng chống cháy rừng VQG U Minh hạ, tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc) (Nâng cấp, mở rộng đường Tắc Thủ - Cơi Năm - Đá Bạc)	1569/QĐ-UBND 31/10/2012; 1656/QĐ- UBND 31/10/2012; 1683/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	657.270	186.986	186.986	Sở Giao thông vận tải
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng 02 cầu (cầu kênh Nông Trường và cầu C3) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình	3498, 3499/QĐ- UBND ngày 17/7/2020	10.477	10.477		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
-	Hỗ trợ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự huyện đầu nối ra đường Hồ Chí Minh			6.368		Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn
-	Hỗ trợ thu hồi, hoàn trả về ngân sách trung ương đối với Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng XVIII – Nam Cà Mau	469/QĐ-UBND ngày 03/4/2013	331.132	6.797		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư được duyet	Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư
				Tổng số	Trong đó: hoàn trả tạm ứng ngân sách	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 1A (tại cổng Bảo Bèo) đến trung tâm hành chính xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước	3921/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	6.525	3.834		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
*	NGUỒN TĂNG THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2019		425.202	422.816	64.227	
A	DANH MỤC CÔNG TRÌNH (*)		248.003	175.239	64.227	
I	Hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh			64.227	64.227	
II	Hỗ trợ ngân sách huyện, thành phố Cà Mau		248.003	111.012		
1	Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình		32.889	12.000		
a	Giao thông nông thôn		32.889	12.000		
-	Tuyến đường đê tây Sông Trẹm đoạn từ kênh 15 đến kênh 25 (giáp ranh huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang)	5940/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	24.240	5.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
-	Xây dựng đường giao thông nông thôn tuyến Rạch Ông Hương, xã Thới Bình	4254/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.852	2.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
-	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn tuyến Nhà Máy A-Tapasa 1,2,3, xã Tân Phú	4255/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.797	4.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
2	Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi		14.423	7.000		
a	Trường học		10.719	6.000		
-	Trường Mẫu giáo Cái Keo, xã Quách Phẩm	1324/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.909	1.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi
-	Trường Tiểu học Tân Trung, xã Quách Phẩm Bắc	1328/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.718	3.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi
-	Trường Mẫu giáo Thanh Tùng, xã Thanh Tùng	1327/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.092	1.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi
b	Văn hóa - Xã hội		3.704	1.000		
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Tân Tiến	1325/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.704	1.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi
3	Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân		5.264	3.500		

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư được duyệt	Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư
				Tổng số	Trong đó: hoàn trả tạm ứng ngân sách	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
a	Văn hóa - Xã hội		4.066	2.500		
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Phú Thuận	1643/QĐ-UBND ngày 19/6/2019	4.066	2.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân
b	Giao thông nông thôn		1.198	1.000		
-	Xây dựng mới tuyến đường ô tô về trung tâm hành chính xã Việt Thắng (từ lộ cấp VI vào Trung tâm xã)	2297/QĐ-UBND ngày 18/9/2019	1.198	1.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân
4	Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước		51.679	15.500		
a	Trường học		26.812	9.000		
-	Trường Tiểu học Hòa Mỹ 2, xã Hòa Mỹ	4014/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	7.705	2.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
-	Trường Mầm non Hoa Mai, xã Trần Thới	3936/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	9.204	2.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
-	Trường Tiểu học Đông Thới 3	3950/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	9.903	5.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
b	Văn hóa - Xã hội		8.009	2.500		
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Thạnh Phú	4770/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	3.939	1.908		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Trần Thới	3935/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	4.070	592		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
c	Giao thông nông thôn		16.858	4.000		
-	Tuyến đường từ Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng đến Đê Đông, huyện Cái Nước	2599/QĐ-UBND ngày 28/10/2017	11.904	1.300		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
-	Tuyến đường Rạch Rập 2, Sờ Tại (giai đoạn 2)	14/QĐ-UBND ngày 05/9/2019	1.842	1.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
-	Đường cống Bộ Mão 2 - Đê Đông (giai đoạn 2), xã Tân Hưng	109/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	1.901	1.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
-	Đường giao thông nông thôn tuyến Ngọn Cạy, xã Phú Hưng (bao gồm cả cầu giao thông nông thôn trên tuyến)	57/QĐ-UBND ngày 10/02/2020	1.211	700		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước
5	Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời		45.803	39.785		



STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư được duyet	Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư
				Tổng số	Trong đó: hoàn trả tạm ứng ngân sách	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
a	Trường học		24.073	22.285		
-	Trường Tiểu học 6 Khánh Bình Đông	6008/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.593	8.770		Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời
-	Trường Tiểu học 3 Khánh Hưng	6036B/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	14.480	13.515		Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời
b	Văn hóa - Xã hội		4.548	2.500		
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Khánh Bình Tây Bắc	6036a/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.548	2.500		
c	Hỗ trợ đầu tư khắc phục sạt lún, sạt lở đất		17.182	15.000		
-	Các công trình khắc phục sạt lún, sạt lở đất (theo Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 06/02/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời)		17.182	15.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời
6	Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn		7.290	2.000		
a	Văn hóa - Xã hội		7.290	2.000		
-	Công trình Tượng đài khởi nghĩa Hòn Khoai kết hợp công trình văn hóa, thể dục, thể thao huyện Năm Căn	510/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	7.290	2.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn
7	Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh		33.907	11.491		
a	Trường học		26.938	8.500		
-	Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Thái Văn Lung, thị trấn U Minh	2148/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	12.926	2.500		Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh
-	Xây dựng Trường Tiểu học Lê Văn Tám, xã Khánh Hội	2278/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	14.012	6.000		Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh
b	Giao thông nông thôn		6.969	2.991		
-	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ Bắc Ba Thước (đoạn từ ngã tư Rạch Dinh đến ngã tư Tư Đồi), xã Khánh Tiến	2183/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.978	2.000		Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh
-	Công trình xây dựng tuyến lộ Đông Thống nhất, ấp 9 - ấp 10, xã Khánh Tiến, huyện U Minh	1507/QĐ-UBND ngày 04/11/2020	991	991		Hỗ trợ ngân sách xã Khánh Tiến, huyện U Minh
8	Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển		13.525	8.200		

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư được duyệt	Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư
				Tổng số	Trong đó: hoàn trả tạm ứng ngân sách	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
a	Trường học		5.781	2.500		
-	Trường Mẫu giáo Trung tâm huyện Ngọc Hiền	330/QĐ-UBND ngày 10/3/2020	5.781	2.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiền
b	Đường giao thông nông thôn		7.744	5.700		
-	Xây dựng lộ bê tông từ vòm Ông Thuộc đến Rạch Chùm Chiểu xã Viên An Đông	2369/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.177	1.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiền
-	Xây dựng lộ bê tông từ vòm Xẻo Lá đến đường Hồ Chí Minh (đoạn từ Tắc Ông Thiện đến Ngã ba Cà Cào) xã Viên An Đông	2371/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.558	2.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiền
-	Xây dựng lộ bê tông từ Vàm Đốc Neo đến cầu Cây Bần xã Viên An Đông	2372/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.583	1.200		Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiền
-	Xây dựng lộ bê tông ấp Rạch Thọ (từ đường Hồ Chí Minh đến cầu Kênh Cụt) xã Đất Mũi	2374/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.426	1.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiền
9	Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau		43.223	11.536		
a	Trường học		43.223	11.536		
-	Trường Mầm non An Xuyên	3486/QĐ-UBND ngày 24/08/2018	14.907	6.036		Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau
-	Trường Tiểu học Nguyễn Tạo	3172/QĐ-UBND ngày 07/08/2018	14.968	3.500		Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau
-	Trường THCS Định Bình	2614/QĐ-UBND ngày 05/07/2018	13.348	2.000		Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau
B	DANH MỤC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH MỚI		177.199	246.988		
I	Mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy và học năm 2020 (**)			143.673		Sở Giáo dục và Đào tạo
II	Mua sắm trang thiết bị y tế			41.900		Sở Y tế
III	Các dự án do tỉnh quản lý		126.214	20.000		
	Các dự án y tế		126.214	20.000		
1	Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	17.000		Bệnh viện Đa khoa Cà Mau

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư được duyet	Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư
				Tổng số	Trong đó: hoàn trả tạm ứng ngân sách	
1	2	3	4	5	6	7
2	Dự án đầu tư hệ thống chụp cắt lớp vi tính cho Bệnh viện Đa khoa Cà Mau	1881/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	40.016	3.000		Bệnh viện Đa khoa Cà Mau
IV	HỖ TRỢ NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ		50.985	41.415		
1	Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình		5.113	5.000		
<i>a</i>	<i>Giao thông nông thôn</i>		<i>5.113</i>	<i>5.000</i>		
-	Tuyển lộ vào Khu di tích Lung Máng Diệc, xã Trí Phải, huyện Thới Bình		5.113	5.000		
2	Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi		7.963	7.500		
<i>a</i>	<i>Văn hóa - Xã hội</i>		<i>500</i>	<i>500</i>		
-	Mua sắm máy phát sóng FM Đài Truyền thanh huyện Đầm Dơi		500	500		
<i>b</i>	<i>Giao thông nông thôn</i>		<i>7.463</i>	<i>7.000</i>		
-	Lộ GTNT tuyến Khai Hoang (xã Quách Phẩm) về Xóm Miên (xã Thanh Tùng), huyện Đầm Dơi		5.000	5.000		
-	Cầu kênh Khai Hoang, xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi		2.463	2.000		
3	Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời		5.500	5.500		
<i>a</i>	<i>Văn hóa - Xã hội</i>		<i>500</i>	<i>500</i>		
-	Mua sắm máy phát sóng FM Đài Truyền thanh huyện Trần Văn Thời		500	500		
<i>b</i>	<i>Giao thông nông thôn</i>		<i>5.000</i>	<i>5.000</i>		
-	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT tuyến ấp Rẫy Mới, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời		5.000	5.000		
4	Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn		26.909	7.000		
<i>a</i>	<i>Trường học</i>		<i>14.725</i>	<i>4.000</i>		

STT	Nội dung	Quyết định phê duyệt (số, ngày, tháng, năm)	Tổng mức đầu tư được duyet	Kế hoạch vốn nguồn tăng thu ngân sách tỉnh giai đoạn 2016 - 2020		Chủ đầu tư
				Tổng số	Trong đó: hoàn trả tạm ứng ngân sách	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
-	Trường Mầm non Sao Mai	509/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	14.725	4.000		Thi công xây dựng hoàn thành 65% khối lượng theo hợp đồng
b	Văn hóa - xã hội		12.184	3.000		
-	Công trình Tượng đài khởi nghĩa Hòn Khoai, huyện Năm Căn	472/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.184	3.000		Thi công xây dựng hoàn thành 30% khối lượng theo hợp đồng
5	Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh		5.000	5.000		
a	Giao thông nông thôn		5.000	5.000		
-	Tuyến đường kênh 23 và Cúp Líp, xã Khánh Thuận, huyện U Minh	1271/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 và 1276/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	5.000	5.000		
6	Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển		500	500		
a	Văn hóa - Xã hội		500	500		
-	Mua sắm máy phát sóng FM Đài Truyền thanh huyện Ngọc Hiển		500	500		
7	Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau			10.915		
a	Giao thông nông thôn			10.915		
-	Nâng cấp, sửa chữa đường ô tô về Trung tâm xã Lý Văn Lâm (đoạn từ Quốc lộ 1A đến trụ sở hành chính xã Lý Văn Lâm)			10.915		
C	DỰ' PHÒNG			589		

CÀ MAU